

NAM PHONG

VĂN HỌC KHOA-HỌC TẠP CHÍ

MỘT CUỘC ĐỜI MỚI ⁽¹⁾

Vt 16
42

Thưa các bà,
Thưa các cô,
Thưa các ngài,

Cuộc nói chuyện hôm nay, chính lẽ phải có từ thứ năm trước — vì công việc đã bắt-buộc chúng tôi phải vắng mặt, cho nên hoãn lại tới hôm nay. — Điều ấy, tôi trước hết xin có lời nhận lỗi cùng các ngài, các bà và các cô, mong các ngài lượng-thứ cho, mà chẳng những thế, lại xét cho kẻ tài nhỏ mà việc quá nhiều, dễ tha thứ hơn cho cả những điều khuyết-diểm mà tôi ắt không sao tránh được trong khi nói chuyện.

Nhan-dề câu chuyện mà chúng tôi sẽ được hàn-hạnh thưa với các bà, các cô và các ngài đã hạ-cổ đến đây, là : « Một cuộc đời mới ».

Song bước chân lên diển-dàn này, thì một vài mối tình xưa hồng dần « lai-láng khôn hàn ». Tình kia nổi nọ, đâu chỉ là đời riêng của tôi, song cũng xin phép các ngài cho phép chúng tôi được có một lát theo ngọn trào tâm-sự.

Lúc này, chung-quanh mình tôi, trên nóc, trên thềm nhà này, tôi thấy phảng-phất biết bao nhiêu hình-ảnh không thể gác đi được, mà cũng không dám gác nó đi. Hồi-tưởng lại mười-

lăm năm về trước, trường Tri-tri này lúc ấy còn chưa xây dựng lại nguy nga như bây giờ. Di-ễn-giả này lúc ấy độ lên mười, được học ở đây trong suốt mấy năm trời, nhờ ơn thầy tốt bạn hiền, — bây giờ sau mười lăm-năm qua, cảnh cũ đã đổi mới, thầy xưa bạn cũ đã có kẻ khuất người xa, — nhưng kẻ học trò nhỏ khi xưa, tôi nay sở-dĩ dám đứng ở diển-dàn này, có lẽ cũng vì tự nghĩ rằng: có cái nợ nặng với hội Tri-tri, với trường Tri-tri; lại nghĩ rằng: những thầy những bạn năm xưa, người còn dĩ vậy, kẻ khuất cũng đã có một vài; song tôi tưởng như dù có mặt đây tới hôm nay hay là vắng mặt, cũng đều giúp cho kẻ bất-tài này được nhiều cái trợ-lực vô-hình khiến cho diển-giả nửa bàng-khuàng nửa ngại-ngùng mà lại nửa như phấn-khởi. Tuy phấn-khởi, nhưng bất-tài thì vẫn hoàn bất-tài. Dù biết nợ cùng hội Tri-tri và trường Tri-tri, dù nề lời ông bạn rất kính-mến của tôi là ông Nguyễn Văn-Tổ đã thay lời ông hội-trưởng Ngô Vi-Liêu mà giục tôi lên nói chuyện từ mấy tháng trước đây, thật tôi tự xét không xứng-đáng nổi gót những nhà diển-giả đã đi trước tôi ở diển-dàn này. Vậy xin thưa trước trong câu chuyện này, tôi

(1) Bài diển-văn đọc tại hội-quán Tri-tri Hà-nội, ngày 28 Juin 1934.

sẽ không dám lấy tư-cách nhà chính-trị hay là nhà học-giá (vì tôi chưa được tới bậc ấy), chỉ đứng vào địa-vị một người Nam-Việt ở buổi đời này, cái lịch-duyet dù ít, cũng đã từng trải qua nhiều phen phải lựa chọn trong hai đường cũ và mới; nhiều phen làm một cách đau-dớn, nhiều phen rõ một cách sáng-suốt. Đã hay việc đời man-mác, biết đâu là cùng. Ta có câu «biết thừa-thốt, không biết dựa cột mà nghe». Dựa cột mà nghe đã ít lâu nay, những điều nghe thấy hình như đã gần xếp thành một bài học.

Câu chuyện «cuộc đời mới» tôi xin xếp làm bốn đoạn:

Đoạn thứ nhất.— Thế nào là một cuộc đời mới? Ở nước ta có thể có một cuộc đời mới chăng?

Đoạn thứ hai.— Nhiệm-vụ bạn thanh-niên trong sự vận-dộng một cuộc đời mới.

Đoạn thứ ba.— Trông gương một vài nước ngoài.

Đoạn thứ tư.— Một vài cảm-tưởng riêng và hi-vọng của chúng tôi, gọi là làm câu kết-luận.

I

Thế nào là một cuộc đời mới?

Ở nước ta có thể có một cuộc đời mới chăng?

«Thế nào là một cuộc đời mới?» Đối với con mắt nhà triết-học, có lẽ trong trường xã-hội và nhân-sinh, không có cái gì là mới hẳn, không có cái gì là cũ hẳn. Tây-triết có câu: «Dưới ánh sáng mặt-trời, không có gì là mới cả». Ngạn-ngữ ta có câu: «Cũ người mới ta». Nhiều sự, mắt ta mới thấy lần

đầu, tai ta mới nghe lần đầu, nhiều việc xuất hiện ra trong hoàn-cảnh của ta, thì ta cho là từ xưa tới nay chưa từng có; nhưng đối với người khác, đối với nước khác, lại là một sự rất thông thường và rất cũ-kỹ. Nói đến tâm-lý từng người, lại càng khó phân-biệt sự mới cũ. «Anh ấy có cái óc mới, anh nọ có cái óc cũ», những lời nói ấy ta thường thường được nghe trong những câu chuyện phẩm-bình thế-sự và nhân-vật. Những lời nói ấy thường khiến cho tôi nghĩ vẩn nghĩ vơ... Óc mới? Cái óc của đứa trẻ mới sinh ra, có lẽ cũng chưa hẳn là óc mới. Trừ ông ADAM và bà EVE trong thánh-sử của đạo Gia-tô, có lẽ con người ta, ai nấy đã sinh ra đời là không sao tránh được một vài cái dấu tích cũ nó in sâu ở trong trí-não mình, nó thấm ở trong mạch máu mình. Chẳng cứ người Đôn-Á hay Tây-Âu, càng là người Đông-vấn-minh bao nhiêu, cái dấu vết những đời trước, của những đời xưa, càng rõ-ràng trong tâm-trí.

Tuy vậy, chữ «óc mới» và «óc cũ» không phải là không có nghĩa. Đã hay rằng ta bước ra đời là đã có sẵn nhiều bài học của tổ-tiên tự-nhiên ghi ở trong tâm trong trí ta, nhưng cuộc đời là một cuộc thay đổi không cùng. Sinh tức là hóa, mà có hóa mới sinh. Đức Khổng-tử khi xưa, ngắm dòng nước cuồn-cuộn chảy đi mãi, ngày đêm không nghỉ, luống khen cho dòng nước rời-rào. Ngài khen dòng nước chảy luôn là ngài nghĩ đến cái đạo-lý cũng như dòng nước man-mác không cùng (1).— Nhưng ta cũng có thể ví cái cuộc dịch-hóa trong đời người như dòng nước bao giờ cũng không đứng lại. — Cuộc sinh-hoạt của một người cũng như

(1) Thủy-tai ! thủy-tai ! Thế giả như tư-phù, bất xả trú dạ.

của một quốc-gia, phải sao cho như nước chảy không dừng. Cái ao tù bao giờ cũng là chỗ rở-bần hơn dải tràng-giang. Vậy đời của người ta, đời của nước ta, nên tránh dừng đê giống như một cái ao tù. Bo-bo ôm mãi một vài cái quan-niệm đã không có ích gì nữa ở trong cuộc đời khác xưa, đó là dù nhau đi tắm ao tù. Nếu bảo rằng: « Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn », thì sao không biết nghĩ: nếu có một dòng nước trong mát hơn cái ao tù, nhưng chưa là của ta, thì hãy cứ đi tắm nước trong kia, rồi tìm cách lấy nó về làm của ta, chứ sao? Mà cái ao tù vẫn là của ta hơn cái dòng nước trong sẽ là của ta, đó là có cái « óc cũ » — Cái gì đã đến lúc nó phải chết, theo luật tự-nhiên trong thuyết tiến-hóa (évolution), mặc cho nó tất yếu dần đi; có thương chăng, có tiếc gì, cũng chỉ nên lấy « găm vốc rục-rỉ », vẫn là những đồ vật bao bọc giấc ngủ của những thần-tiên đã bị tiêu-tan; mà khám-liệm cho nó », theo lời nhà văn-sĩ RENAN, chứ không trái với lẽ biến-hóa, lẽ tiến-hóa của đời, mà những lo cùng sợ, những giữ cùng gìn, cho cái xác không còn sinh-lực mà vẫn được coi như còn sống, cho cái hồn đã ẻo-lả mà khỏi bị tiêu-tán: biết nghĩ như thế, biết làm như thế, là có cái « óc mới ».

Cái « óc mới » vẫn là óc ông cha ta sinh ra cho ta, vẫn là cái óc có thắm uhuần quan-niệm của những đời đã qua. Ta làm cho nó mới, không phải là mở cái đầu ra mà nhờ tay Biền-Thước nào đút vào trong cái sọ cũ-kỹ kia một khối óc ở đâu mới nặn. Làm cho nó mới, chỉ là biết phân-biệt trong những tiếng gọi của ông cha tiếng nào ta còn có thể vâng theo được, và tiếng nào đối với nó ta giả điếc đi là hơn ;

lại là biết lựa-chọn trong những tiếng gọi khác nó ở khắp nơi mà tới tai ta, những tiếng nào ta nên nghe.

Vậy không có óc cũ thì cũng không lấy đầu ra làm cái óc mới. Cho nên mắt vẫn phải nhìn tới tương-lai, nhưng tay chữa nên rời dĩ-vãng, nếu cái cuộc tương-lai đó chưa nắm được; trí vẫn phải quay về cái mới, không khác nào hoa hướng-dương tìm ánh mặt trời, nhưng tâm vẫn phải trau dồi cho cái gốc rễ cũ-càng, nó cũng như cái « chút nghĩa cũ-càng » của nàng Kiều, ta với nó « dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng » vậy.

Trong cử-tọa nghe tôi nói chuyện lúc này, nhác trông được thấy nhiều bức có lẽ cũng là tàn-nhân-vật trong đài-trang. Được thấy bóng đài-gương mà chúng tôi lại sức nghĩ ra một câu tỉ-dụ nữa, để thêm rõ-rệt cái lời giải-thích của chúng tôi về những chữ « người mới, người cũ ». Tôi xin phép các bức nữ-lưu ấy cho tôi được dùng câu tỉ-dụ đó, và xin phép các ngài hiểu cho: chúng tôi sở-dĩ căn-vấn mãi về hai chữ mới cũ này, cũng vì giải-thích được hết ý ở đoạn này thì nói đến những đoạn sau trong câu chuyện, không cần phân-trần nhiều cũng đạt được ý.

Trong xã-hội ta bây giờ, đã có một số nhiều các vị tiêu-thư người ta gọi là các cô tiêu-thư « mới ». Muốn nên một trang khuê-tú « mới », một người con gái có cần phải tự hủy-hoại hết-thảy cái tâm thân và cái linh-hồn của cha mẹ sinh-ra đâu? Chỉ có trong truyện thần-tiên hoang-dường ở Âu-tây thì mới có những con chim phénix đã cháy ra tro rồi lại tái-sinh. Người ta, muốn đổi mới thân mình, không sao hô hấn cái con người cũ của mình đi

được. Một trang khuê-tú, tuy vậy, vẫn có thể biến-dổi mình ra mới; mới là trau-dồi cái đức của mình, cho có những tư-cách cần phải có để khỏi thẹn cùng con gái nước văn-minh; mới, là trau-dồi cái sức-lực, cái sắc đẹp của mình, cho khỏi mang cái tội có đủ vật-liệu để diễm ngọc tô hoa mà chẳng biết tô hoa diễm ngọc. Rút lại, người phụ-nữ mới, là một người phụ-nữ biết từ cái gốc cũ, từ cái thân-thể và tinh-thần của cha sinh mẹ dưỡng, mà dùng trí-dục, đức-dục, thể-dục, mỹ-thuật, di cho tới một con đường rộng-rãi hơn là những lối co-hẹp ngày nào.

Đã giải-thích thế nào là *óc mới*, *óc cũ*, *người mới*, *người cũ* thì từ đây suy đi, sẽ hiểu thế nào là *một cuộc đời mới*.

Người ta sinh ra ở đời, gặp sẵn một cái hoàn-cảnh để cho mình phải sống ở trong đó. Thoát-li ra ngoài vòng kiểm-chế của hoàn-cảnh, là một sự có thể làm được, nhưng không phải là ai cũng có thể làm được, không phải là ai cũng có quyền làm được. Phần nhiều người ta phải chịu ở trong cái hoàn-cảnh có sẵn. Nhưng hoàn-cảnh ấy, là ao tù hay là nước chảy, ta nên nhận rằng: chính ở tay ta làm ra. Có khi cảnh kia thừa xưa cũng là một dòng nước bát-ngát mông-mênh, cuồn-cuồn không rút; tới nay nó mới hóa ra ao tù. Có khi cảnh kia bấy rày nó vẫn là ao tù, nhưng ta có thể khai-phóng cho vũng nước tội-nghiệp ấy.

Một cuộc đời mới là một cuộc đời hoạt-động, lấy sự tiến-hóa làm mục-dích, lấy sự tái-tạo làm sự lo-lắng hằng ngày. Thế nào là hoạt-động? Đem hết tâm-lực của mình ra để có một phần trong sự tiến-hóa của nước nhà, là người biết hoạt-động. Thế nào là tiến-hóa? Người ta khỏe hơn mình,

thì xét xem vì đâu người ta khỏe, mà cũng gắng luyện cho mình bằng người; người ta hay hơn mình, thì công-nhận là người ta hay, bắt chước cái hay của người ta, bỏ cái dở của mình; sao cho có một ngày kia, người ta đang đi nhanh hơn mình, mà vụt phải quay cò lại kêu rằng: « Ừ! nó cũng đã theo ta tới sau lưng rồi! » Đó là tiến-hóa. Đã hiểu vậy, thiết-tưởng cũng không cần phải giải-thích chữ *tái-tạo*; tái-tạo nghĩa là sửa đổi lại cái cơ-sở cũ-kỹ cho nó dần-dần thích-hợp với kiểu cách khéo-léo của người khôn hơn mình đã vẽ ra.

Cuộc đời mới của từng người phải làm sao cho tự mình so-sánh với mình, thì thấy ngày hôm nay mình đã được hơn ngày hôm qua, ngày hôm nay mình đã trừ bỏ được tất sấu gì mà hôm qua còn có; ngày hôm nay mình đã thêm được một chút công-nghiệp gì trong sự-nghiệp văn-chương, mỹ-thuật, xã-hội, mà mình theo đuổi bấy lâu; tự mình đã chắc rằng sự đổi mới của mình lúc nào cũng vẫn một mực mà đi, thì sẽ có thể mình làm lấy cái luân-lý của mình để mà theo, mình có riêng cái lẽ phải của mình, không đến nỗi phải lo sợ vì hoàn-cảnh, nhưng không cần phải nói, cũng rõ trong muôn người họa may mới có một người tới được cái bậc tối-cao là bậc tự mình theo cái luật-lệ của mình mà không cần hoàn-cảnh. Chín nghìn chín trăm chín mươi chín người khác, phải mượn sức của hoàn-cảnh để làm nên cái cuộc đời mới của mình. Cho nên cái sự làm cho mới cả xã-hội, đáng lo hơn là một sự làm cho mới từng người một.

Cho nên sau khi hỏi: « Thế nào là một cuộc đời mới? », ta phải hỏi « Nước ta có thể có một cuộc đời mới chăng? »

Trên kia nói cuộc đời mới là cuộc hoạt-dộng, tiến-hóa, tái-tạo.

Người Việt-Nam bản-tính có hoạt-dộng không? Có ưa tiến-hóa không? Có thích tái-tạo không?

Một tội 3 câu ấy, thì hình như phải trả lời luôn ba tiếng: không, rồi thở dài mà ngồi đó nhìn nhau thôi.

Người Việt-Nam ưa hoạt-dộng ư? thì sự hoạt-dộng đó có lẽ không ra khỏi khu-vực lũy tre xanh, cây đa đầu làng, sự hoạt-dộng đó không có mục-đích nào khác một miếng giữa đình, một bầu đoàn thể-tử, dù sự lập gia-đình đó rất cầu-thả đến nỗi, theo lời than của một nhà nho có tân-kiến—ông Lê Du, đã đi trước tôi ở diễn-đàn này—để con cho nhiều mà «*tuy có đầu người chứ chẳng có con người, chính như câu thơ của ông Tú-Xương: bồng bềnh nhau lên nó ở non*».

Người Việt-Nam ưa tiến-hóa ư? Ưa tái-tạo ư? thì đã chẳng đến nỗi sau mấy nghìn năm lịch-sử, vẫn u-u minh-minh chẳng biết tinh-thể năm châu, mà Nguyễn Trường-Tộ nói chẳng có người nghe, mãi đến nay mới biết tiếc thương Nguyễn Trường-Tộ.

Đó là cái cảm-tưởng của người yếm-thế, nhưng người yếm-thế không bao giờ đối với thế-sự có cái đức công-bằng. Ta phải công-bằng mà xét lại lịch-sử của ta, thì ta sẽ thấy rằng ông cha ta không phải là không hoạt-dộng, không tiến-hóa, không tái-tạo. Sự hoạt-dộng của ta, là bà Trưng bà Triệu, là Lý Nam-đế, là Mai Hắc-đế, là Trần Hưng-Đạo, là Lê Lợi, là Thế-tổ Cao-hoàng nhà Nguyễn. Duy cái tính hoạt-dộng của ta có từng cơn từng lúc, (*sursauts*) đó thôi. Sự tiến-hóa của ta, tức là học văn-minh Tàu nhưng không chịu mãi mãi chịu một cái quyền nội-

thuộc hà-khắc; tức là cuộc «*Nam-tiến*» khiến cho ta cơ-hồ đoạt dưới quyền ta bao nhiêu giống người Chân-lạp Cao-mên. Sự tái-tạo của ta, là nhiều trang lịch-sử đời Trần đời Lê, và buổi Cao-Hoàng lập quốc.

Phương chi ngày nay ta gần người Pháp, học người Pháp, tập-nhiệm những tính hoạt-dộng, tiến-hóa, tái-tạo của người Pháp, lẽ nào lại chẳng dám hi-vọng vào tương-lai của chúng ta? Lẽ nào đối với câu hỏi: «*Nước ta có thể có một cuộc đời mới chăng?*» ta lại chẳng quả-quyết mà đáp rằng: «*Có!*».

II

Nhiệm-vụ bạn thanh-niên trong sự vận-dộng một cuộc đời mới

Bau này tôi vừa nói: «*Làm thân một người An-Nam ở đời bây giờ, thật là khó. Làm thân một người thanh-niên An-Nam ở đời bây giờ, càng khó hơn*».

«*Con sông Thương nước chảy đời dòng, đèn khêu đời ngọn, biết giòng ngọn nào?*» Câu ca giản-dị ấy, đối với người nghe mà nghĩ đến thời-thế, sao thấy nó lâm-li lắm thay! Nhưng ca rao là cái hồn thơ tự-nhiên của ông cha ta, cho nên lại là cái triết-học tự-nhiên của ông cha ta nữa. Bởi vậy, đã hỏi câu: «*Còn sông Thương nước chảy đời dòng, đèn khêu đời ngọn, biết giòng ngọn nào?*» thì lại có câu trả lời luôn: «*Muốn tắm mát lên ngọn sông Đào, muốn ăn xim chín thì vào rừng xanh. Đói tay vịn cả đời cành, quả chín thì bứt quả xanh thì đừng*».

Cái nhiệm-vụ thứ nhất của bạn thanh-niên là biết: «*Quả chín thì bứt quả xanh thì đừng*».

Bạn trẻ, nghiêm-nhiên đã hóa ra người đi tiên-phong trong cuộc đời mới của cả nước. Vì trong sự gặp gỡ của Đông-phương và Tây-phương, bạn-trẻ là người được gần cái văn-minh Tây-phương một cách mật-thiết hơn những bậc tiền-bối. Tôi còn nhớ thửa nhỏ nói truyện với một vị giáo-thụ nhà nho có một chút Tây-học. Nói về luân-lý Âu-tây, cụ giáo bẻ tôi rằng : « Anh tưởng tôi còn lạ cái luân-lý Âu-tây của các anh ư ? Tôi đã đọc sách của họ rồi. Luân-lý gì cái luân-lý : « Tôi hôn mẹ tôi », « tôi hôn cha tôi », « tôi không ăn tham », « tôi yêu thầy giáo tôi », sao đem ví với luân-lý Á-đông được : Thì ra cụ giáo đã lấy một quyển « *Lectures Toutey cours préparatoire* » nào đó làm tiêu-biểu cho cả luân-lý-học phương Tây. Ta không nên cười những bậc nhà Nho như cụ Giáo, dù những bậc ấy cũng có cái làm như cụ Giáo.

Trong sự vận-động cuộc đời mới, ta có cái chức-trách làm một sợi dây liên-lạc. Liên-lạc Đông và Tây, vì, mặc cho nhà văn RUYDYARD KIPLING bảo Đông Tây chẳng gặp nhau được, ta đã thấy Đông và Tây nó gặp nhau ở trong trí ta, trong người ta. Nhưng ta lại phải đem sự gặp gỡ ấy phổ-diễn ra ngoài. Trong khi phổ-diễn ra ngoài, ta phải biết phân-biệt những điều gì truyền-bá ra thì đồng-bào ta có thể nghe ngay, mà nghe là có ích cho đồng-bào ta ; những điều ấy, theo cách nói bóng trong câu ca-dao, tôi xin phép gọi là những « quả chín ». Còn nhiều điều khác, cũng hay, cũng đẹp, nhưng hay và đẹp đối với riêng ta, đó tức là những quả xanh theo lời ca-dao vậy.

Làm sợi dây liên-lạc, ta lại phải biết điều-hòa. Điều-hòa cho không có những sự xung-đột đáng tiếc giữa phải thanh-niên và các bậc lão-thành, là

những bậc mà trong gia-đình thì quyền khiến ta phải vâng lời, ngoài xã hội thì giữ một phần dư-luận đủ gần chung quanh những công việc của ta một mối tin hay một mối ngờ, một cái thiện-cảm hay một cái ác-cảm.

Bạn trẻ ta theo tây-học, nhưng sinh ở một nước mà tây-học mới nhập cảng vào được ít năm nay ; bạn trẻ tìm ra nhiều cách sống của người Thái-tây, nhiều phong-tục tập-quán mà ta trông thấy người Thái-Tây vì theo dẫu đã gây ra một cuộc đời quang-đăng nhưng phong-tục tập-quán ấy, không thể chốc lát chiếm cái chỗ của phong-tục tập-quán cũ, từ trước vẫn an-vĩnh bất-di bất-dịch. Vả lại bạn trẻ tây-học ta, đã hay rằng sau này càng ngày càng đông hơn, nhưng hiện nay rất ít so với số người trong nước. Nơi thành-thị thì vậy, lại còn chỗ thôn-quê, ở thôn-quê thì bạn trẻ tuổi chỉ có tuổi là trẻ, chứ óc vẫn cũ.

Ta đừng vội khinh những người ấy vì, trong sự bắt chước người Âu-tây ta đã từng biết rằng : bắt chước chỉ có thể đến một cái giới-hạn mà thôi, chứ không bao giờ trăm phần theo đúng trăm. Mà nếu trăm phần theo đúng trăm, thì lại là nhục lắm chứ có vinh gì « *Ta có hồn, há mượn hồn ai* ».

Vậy cái nhiệm-vụ thứ ba của bạn trẻ, là mượn cái văn-minh Tây-phương mà chấn-chỉnh lại những cái hay trong văn-hóa của mình. Như vậy mới khỏi mang tiếng là « coà vẹt » hay « co hầu ». Như vậy, không phải là dùn về tầm ao tù, mà chính là khai lấy một con sông rộng cho cái ao vẫn là « ao ta » mà số đông người nhà ta vẫn co nhất-dịnh tắm ở đấy, chẳng tắm ở đâu cái ao ấy ta phải mở lối cho nó thông với một dải tràng-giang, sẽ đưa nước trong-sạch ngọt-ngào tới cho nó.

Tôi đây tôi muốn bạn trẻ hiểu rõ mà đừng vội ngờ cho tôi muốn thoáibộ. Tôi là một người bản-tính ôn-hòa, cho nên những ngu-kiến cũng ôn-hòa. Tôi cũng đã nhiều phen muốn đi nhanh, nhưng hoàn-cảnh giục phải đi chậm; tôi cũng nhiều phen muốn « phá bỏ hủ-tục » nhưng sau cũng phải công-nhận rằng nếu cái gì cũng phá bỏ, thì không kịp lấy cái gì thay ngay vào một cách thích-hợp. Không có cái thay vào cho thích-hợp, thì tức là muốn cải-cách lại làm tan-nát hỗn-độn thêm lên.

Thế cho nên bao giờ chắc « có mới » thì hãy « nới cũ »; nếu không chắc mà đã nới, thì thả mỗi bắt bóng, sỏi hồng hồng không. Về phương-diện quốc-gia, ta không có quyền thả mỗi bắt bóng.

Tuy nhiên, nếu trong bạn trẻ, có ai là bậc phi-thường lỗi-lạc hơn hẳn người khác, thì đối với những bậc ấy, tôi lại sẵn lòng công-nhận cho có cái quyền sống một cách khác thường. Cứ mới hẳn đi, mà lấy cái mới ấy làm được danh-diện cho quốc-thê, vẻ-vang cho giống nói, thì cũng nên mới hẳn mà quên bằng lẽ-lối cũ. Những người ấy tôi gọi là những người « đi sứ ». Ông Mạc Đĩnh-Chi và các nhà đi sứ đời cổ khéo bắt chước người Tàu, thì người Tàu mới biệt phục. Ai có đủ tài « đi sứ », tôi không dám đem những lời khuyên-giải quá ôn-hòa mà ngăn chỉ tiến-thủ. Nhưng dám hỏi: Một đời có mấy Mạc Đĩnh-Chi?

III

Trông gương một vài nước ngoài.

Bây giờ đến lúc trông gương nước ngoài. Trước, tôi xin nói đến cái phong-trào « cuộc đời mới » mới khởi-xướng ra ở nước Tàu, do Tưởng Giới-Thạch

mới cách đây một tháng mà hiện nay đang bành-trướng. Tôi xin nhắc lại: Sau khi cách-mệnh Tàu đã thành công, nghĩa là nhà Mãn-Thanh đã mất ngôi, nước Tàu đã có chính-phủ dân-quốc (dù chính-phủ ấy chỉ là một cái danh-hiệu, mà thực-sự thì là sự chia rẽ bè kia đảng nọ, bối-rối, nội loạn, ngoại nguy), các nhà chính-khách Tàu muốn xếp đặt « một nước Tàu mới » liền tưởng rằng cải đổi những cái hình-thức đã là đủ. Hết mệnh-lệnh nọ đến nghị-định kia, họ dùng oai-quyền muốn cải-cách phong-tục. Một cái ví-dụ: việc bỏ âm-lich theo dương-lich, bỏ tết nguyên-đán cũ mà theo ngày tết của dương-lich người phương Tây.

Chính-phủ hạ-lệnh cho dân phải bỏ tết cũ, ăn tết mới cùng một ngày với người Tây.

Dân Tàu đối với mệnh-lệnh ấy, xử-tri thế nào? Với câu hỏi này, xin mượn lời đáp lại của « Quốc-dân tạp-chí » là tạp-chí của người Tàu viết bằng chữ Pháp xuất bản ở Thượng-hải; trong một bài luận-thuyết nhan-đề là « Tập-quán cổ, phong-hóa mới » (*Vieilles coutumes, nouvelles mœurs*), tạp-chí đó nói về ngày tết nguyên-đán của người Tàu, tả cái cảnh-tượng tết đó vẫn náo-nhiệt dù ngày tết trái với mệnh-lệnh chính-phủ dân-quốc đã đổi âm-lich sang dương-lich, và đã cấm cuộc vui ngày nguyên-đán, tả quang-cảnh ấy rồi bêu rằng: hiện-tượng kia tỏ rõ rằng một vài mệnh-lệnh, thật không đủ hiệu-lực đánh đổ những tục-truyền từ trăm nghìn năm, như vậy thì thả rằng đừng ra mệnh-lệnh trái-ngược với lịch-sử, với dân-tinh, dân-tâm như vậy. Nguyên-văn bài luận-thuyết, xin lược-dịch như sau này:

« Dù ở Thượng hải, ở Bắc-binh, ở Thiên-tân, hay ở khắp các tỉnh khác

trong đất nước Trung-hoa, ngày Nguyên-dán năm nay nhảm ngày 14 février, người ta đều thấy nhân-dân ăn tết to và vui-vẻ hơn mọi năm trước nhiều. Các cửa hàng đều đóng cửa, các thợ-thuyền và chủ công-nghề cũng đều nghỉ, ngoài đường phố kẻ qua người lại rất náo-nhiệt và quần áo đều mặc thịnh-phục. Tuy vậy, các cuộc vui cũng không dám bày ra một cách huyền-náo, vì chính-phủ đã có lệnh cấm bày các cuộc vui ngày tết, cái lệnh ấy vốn là kết-quả của sự thay ngày tết theo lịch Tây vào ngày tết của lịch Tàu từ xưa. Dân Trung-hoa vẫn phải vâng lệnh, nhưng đến ngày đầu mùa xuân ngày nguyên-dán dân vẫn mở cuộc vui mừng, luật-lệ nào cấm được một dân-tộc không có quyền từng ngày nghỉ-ngơi và vui vẻ. Các nhà tổ-chức nước Tàu mới, tuyên-bố lên rằng phải giải-phóng cho dân ra khỏi vòng kiểm-chế của những tư-tướng cũ rích, những phong-tục hủ-bại và lậm chậm sự tiến-hóa. Phải, lòng nhiệt-thành đó còn gì đáng khen bằng ! Nhưng tiếc thay, sao các nhà có chức-trách chẳng nghĩ rõ một kế-sách gì hay hơn là những đạo nghị-định và những thể-lệ của cảnh-sát ? Sao chẳng hạ lệnh cho các nhà giáo-dục bọn thanh-niên phải dạy cho trẻ con Trung-hoa hậu-tiến rằng : « Hễ trung-thành với cồ-tục bao nhiêu là làm ngăn-trở cho sự tiến-biến của dân nước bấy nhiêu ? Có lẽ chỉ có cách ấy mới là công-hiệu, mới chắc sẽ khiến cho dân-tộc Trung-hoa bỏ dần những tục cũ mà gây lấy những quan-niệm mới, dần theo cách ấy bỏ được tục cũ, có gây được quan-niệm mới cũng còn hàng mấy mươi năm. Đến như chỉ dùng cách hạ-lệnh và sai cảnh-sát ngăn cấm thì sau mấy năm cấm ngặt, cái kết-quả ra sao nó đã sờ sờ ra đó ! »

Luận-giả dẫn nhiều chứng-cớ hiển nhiên rằng ngày nguyên-dán âm-lịch đối với người Tàu vẫn có ý-nghĩa xâu-xa và không phải là không chính-dáng cho nên người Tàu vẫn tôn-sùng yền-mến ; kết luận nói rằng :

Chính-phủ Trung-hoa muốn chi-phối hết mọi việc trong nước, đó là rất phải. Muốn cho nước Trung-hoa mau mau cùng các nước đua chen trong trường liên-bộ, đó chính là bổn-phận của chính-phủ, mà là một bổn-phận lớn-lao. Muốn tổ-chức một nước Trung-hoa mới, mà vì mục-dịch ấy cho nên phá-hoại hết cả những tục nghìn năm, truyền từ trước, đó cũng là quyền của chính-phủ, nhưng chúng ta ước-ao rằng chính-phủ biết tránh sự áp-chế vô-ý-thức và biết theo phương-pháp hợp lẽ phải hơn một chút. Muốn cho sự xếp đặt mới có kết-quả hay, trước hết phải tập cho dân quen và hiểu những phong-tục mà chính-phủ muốn bắt dân phải theo. Đối với những phong tục mới ấy mà dạy cho dễ mai sau bọn ấy lớn lên làm dân làm người thì biết theo kỷ-cương mới một cách không sai lầm. Nhưng việc ấy là một việc phải có kiên-nhẫn, phải lâu năm mới làm thành. Còn như những người Tàu đã có cái óc « cựu Trung-hoa », đã nói ra miệng rằng : « Chúng tôi xin sống theo lẽ-lối của tổ-tiên » thì cho phép họ được như ý, phỏng có hại gì ? — Họ có biết kính-trọng cồ-tục thì họ mới biết kính-trọng chính-phủ mới, mà họ sẽ biết kính-trọng chính-phủ một cách chân-chính, hơn là những hạng người giáo-dục kém, tưởng lầm rằng mặc áo theo một Paris, ấy là chúng đã hết bổn-phận với dân với nước. »

(Kỳ sau sẽ đăng hết)

NGUYỄN-TIẾN-LĂNG

NAM-PHONG NGÀY TRU'ỐC

== NAM-PHONG BÂY GIỜ ==

Cùng các bạn đọc Nam-Phong.

Đã được bốn kỳ rồi, Nam-Phong đổi thể. Vì sao có sự thay đổi ấy, trong số đầu Nam-Phong thể mới đã từng nói rõ. Nay tôi bỗng-nhiên có một phần trách-nhiệm trong việc chấn-chỉnh Nam-Phong. Vậy xin nói thêm vài lời nói về mục-dịch những công-việc mà tôi muốn làm do Nam-Phong.

« Chấn-chỉnh Nam-Phong Tạp-chí » cái mục-dịch ngụ trong sáu chữ đó có phải là quá cao hay chăng ?

Một tờ tạp-chí như Nam-Phong, trong bao nhiêu năm trời, nhờ một tay chủ-nhiệm kiêm chủ-bút như Phạm-Thượng-Chi tiên-sinh, đã nghiêm-nhiên chiếm lấy một địa-vị rất cao trong văn-giới, chính-giới nước ta ; dù ngày nay linh-hình Nam-Phong có kém xưa, ta cũng không nên quên lịch-sử Nam-Phong ngày trước.

Từ lúc ra đời, Nam-Phong đã gây nên những phong-trào về văn-chương, về học-thuật, về luân-lý, về chính-trị, — đã luận-bàn một cách sâu-xa mà thiết-thực về nhiều vấn-đề có quan-hệ đến quốc-gia. Nhiều tư-tưởng của Nam-Phong đã truyền-bá, ảnh-hưởng hiện nay cũng còn vang-động đến thời-cục.

Nam-Phong được như vậy là nhờ cái học-vấn, cái tài-danh của Phạm-tiên-sinh, cho nên trước đây, cái tên

Nam-Phong gần như lẫn với tên Thượng-Chi, đó cũng là đich-đáng vậy.

Nhất là sau khi văn-gia Phạm-Thượng-Chi đời là một nhà chính-trị, tư-giã Nam-Phong mà vào chốn thần-kinh làm vị đại-thần nhận những trọng-trách mới, « điêu-khắc vào cái khối thực-sự những hình mà trước kia chỉ điêu-khắc vào cái khối vô-hình », theo câu thơ của VICTOR HUGO, thì dầu rằng những nhà trợ-bút vẫn tận-tâm theo gót Phạm tiên-sinh để cho Nam-Phong vẫn giữ cái địa-vị, cái chức-trách từ xưa, nhưng Nam-Phong không có cái vẻ rực-rỡ xưa kia. Đó không phải là lỗi người viết, mà là lỗi thời thế đổi thay nhanh chóng.

Cho hay một đời hồ dễ có mấy Thượng-Chi !

Ở chốn Thần-kinh, quan Thượng-thư bộ giáo-dục vẫn còn nhìn lại chốn cũ, tờ tạp-chí yếu quí — nhưng việc quyền chính là gánh nặng, quan Thượng Phạm chẳng còn có thì giờ vui với văn-chương.

Thế rồi dần-dần có một cái tiếng đồn...

Đố ai biết những tiếng đồn, mà nhất là tiếng đồn sai, vì đâu, dùng cách nào, mà sinh ra, mà truyền đi mau chóng?...

Cái tiếng đồn về Nam-Phong mà chúng tôi đã từng nghe đến tại : « Nam-Phong già rồi ! Nam-Phong cũ rồi ! »

Đó là tiếng đồn rất sai, nhưng thực hay hư, đã có tiếng đồn, không cải-chính sẽ có thể xây ra một cuộc tranh-biến của hai phái cũ và mới xung-quanh cái chủ-nghĩa Nam-Phong, cái tinh-thần Nam-Phong hay sao ?

Nhẽ nào một tờ tạp-chí như Nam-Phong, bấy nay đã có công-trạng với quốc-dân, mà ta lại đề bấy giờ có một sự bán-tín bán-nghi như vậy ?

Sinh, tức là hóa ; có sống, phải có đổi thay. Và lại nhiều khi đổi thay mới giữ vững đặc-linh của mình.

Vậy muốn « cải-chính tiếng-đồn » Nam-Phong định thay đổi, Nam-Phong định chấn-chỉnh.

Sự chấn-chỉnh từ trước tới nay thế nào, độc giả đã rõ. Sự chấn-chỉnh từ nay về sau, kết quả chỉ có một phần là ở trong tay tôi. Vì ban khảo-cứu của Nam - Phong do cụ Tú Đông - Châu Nguyễn Hữu-Tiến, cùng các bậc nho-gia giúp Nam-Phong bấy nay, vẫn mỗi kỳ sẽ có các bài theo cái đặc sắc những bài của những văn-gia ấy, mà quốc-dân và bạn Nam-Phong đã từng thưởng-thức.

Về phần tôi, muốn Nam-Phong theo một tôn-chỉ thanh-niên, muốn Nam-Phong không thuộc vào phái những người khinh bạn hậu-sinh, bạn tân-tiến. Trái lại, tôi cũng muốn Nam-Phong không thuộc vào phái những người muốn gây một cuộc xung-đột giữa những thanh-niên và bậc lão-thành.

Những kẻ nào dám cả gan vẽ ra cái cảnh-huống hỗn-độn vô-lý ấy, đáng khinh mà đáng chê.

Về phần tôi, dung-hòa cái tinh-thần Nam-Phong ngày trước với cái nguyện-vọng của tôi, tôi sẽ đề cho Nam-Phong đối với sự hỗn-độn, bất cứ về phương-diện nào, vẫn phân-đổi, vì vẫn theo có một chủ-nghĩa, có một tinh-thần. Chủ-nghĩa Nam - Phong, tinh-thần Nam-Phong là trật-tự, là điều-hòa, là dung-hợp

Tinh-thần Nam-Phong, chủ-nghĩa Nam-Phong là tinh-thần chủ-nghĩa kiến-thiết.

Kẻ thù của Nam-Phong là sự phá-hoại liêu-linh.

Tôi nhận làm Nam - Phong, trong lòng tôi cũng như toàn-thể quốc-dân, chỉ ước mong có một điều : Sao cho nước ta tiến-bộ.

Tôi tin rằng : nếu trong một xã-hội, trong một quốc-gia, mà ai nấy đều mê-mạn về những sự mới-mẻ mập-mờ, tự phụ cho rằng mình là hay là giỏi, rồi chỉ biết vung tay phá-hoại, thì liền-bỏ căn-cứ vào đâu ?

Việc phá-hoại, bất-cứ ai cũng có thể làm được. Kẻ tài-hoa phải biết bao nhiêu tháng ngày ngâm-nghi, mới làm nên một áng mỹ-thuật đề ngụ cái mộng tưởng, cái tư-tưởng của mình ; nhưng đưa già-man ngu-si, chỉ một nhát búa, cũng đủ phá tan một áng mỹ-thuật.

Nhưng phá bỏ cái cũ tìm cái mới, có nhiều khi chỉ là cái ảo-mộng, nếu sự tìm kiếm kia chẳng có phương-châm.

Trong xã-hội ta ngày nay, tôi thấy nhiều người như nản chí, nhọc lòng, thất-vọng. Những tiếng reo hò của phái

« phá-hoại », đã làm chán cả giống nòi, đã khiến cho bạn trẻ không có ltn-ngưỡng gì; mỗi khi vắng nghe tiếng gọi của lịch-sử của ông cha thì như ngờ như thẹn, nhưng cái tiếng gọi ấy vẫn càng ngày càng khàn-khoản; lại có phen thanh-niên đã bị lừa bởi những ánh sáng của vầng đông giả-dối, nên thanh-niên không biết rằng một mai cái ánh sáng chân-chính có soi tới dân ta, và sẽ từ đâu mà tới dân ta?

Làm thế nào phân-biệt là-thuyết và lẽ phải? Có lẽ nên nhận như sau này chăng:

Phạm phái nào ta thấy có công-phu kiến-thiết, có công-lao gầy dựng nên công-cuộc gì hiền-nhiên, thì có lẽ phái ấy có giữ một đôi phần chân-lý, ta nên giúp.

Còn phái nào chỉ thấy ngang-nhiên phá-hoại, chẳng biết phá-hoại xong rồi thì sẽ lấy gì thế vào cái mà mình đã phá, thì hẳn là trong phái ấy chỉ có những sự mơ-mộng không đâu.

Đó là một cách phân biệt, dù có chút giá-trị hay chẳng, tôi cũng muốn đem giới-thiệu nó cùng quốc-dân mà đem làm tôn-chỉ Nam-Phong.

Bấy lâu, Nam-Phong tap-chi cơ hồ như người ta coi là một bà lão quá ư nghiêm-nghị.

Người ta thường có khi nghe truyện Nam-Phong cũng gần như nghe truyện các bà lão kể: chẳng nghĩ đến hiểu truyện, người ta có cái thành-kiến rằng tất cả câu chuyện chỉ nói về cuộc đời dĩ-vãng; rồi vì có cái thành-kiến ấy, người ta không kiêng nể gì, mà cho dẫu chẳng nói ra miệng thì cũng nghĩ thầm trong bụng rằng: « Bà lão nói lẩn-thần »!

Kỳ thực, những câu chuyện « bà lão » nói ra vẫn xác-đáng lắm, lý-thú lắm.

Chẳng qua vì bộ áo ngoài nó làm hại bà, để cho bà mang tiếng là già là lẩn đó thôi!

Tôi muốn từ nay Nam-Phong không phải là một bà lão, Nam-Phong lại là một cô thiếu-nữ hay hay! Nay đây, chẳng phấn chẳng son, nhưng xin chịu mặc cái áo chèn hơn xưa một chút để về cái nét thướt-tha của mình vóc, xin chịu rẽ đường ngôi lệch sang bên một chút, chứ không giữ đường ngôi lối cõ ở ngay giữa chân, thẳng đường sông mũi đi lên, Nam-Phong tô-diêm lấy mình, các khán-quan sẽ thấy vẻ xuân tươi tỉnh, nét hoa đậm-đà; mà đẹp này là đẹp chân-chính, chẳng phải là cái đẹp của người trong cái hạng người mà thi-sĩ BAUDELAIRE đã thóa-mạ trong câu thơ:

« Sắc đẹp chẳng qua là đồ mã,
Của ấy là những của lắm tật bệnh, sinh
ra bởi một thế-giới dè hèn!

« . . . beautés de vignettes,
Produits avariés, nés d'un siècle vaurien! »

Người xinh mà tiếng nói xinh, dù nói toàn một giọng đing-dảnh, nhưng câu chuyện chẳng chịu nhạt. Cô thiếu-nữ « lẩn-thời » nay lại nói tiếng Pháp nữa, cũng như tôi, cũng như các ngài! Cô thiếu-nữ xin thôi không nói chữ nho! (Nam-Phong thêm một phần chữ Pháp, bỏ phần chữ nho).

Đối với cái sắc đẹp kín đáo của Nam-Phong tôi xin tô-diêm một đôi phần, mong những nhà thức-giả lè nạo nõ bất công mà chẳng thương-thức, chẳng trọng, chẳng mến người giai-nhân mới?

Thế-giới này là thế-giới thanh-niên, ở nước nào, « cái giờ của thanh-niên » hình như đã tới rồi, mà riêng ở nước ta, trên ngai rồng, đức Kim-thượng và Nam-Phong Hoàng hậu, chính là tình

biểu rất hùng-hồn của bóng thiều-quang đang giở lại chiếu khắp non sông cũ.

Mong cho trong nước được một chính-sách thanh-niên, có một tinh-thần thanh-niên, nguyệt-vọng ấy của thanh-niên ta, rất là đích đáng.

Hai nhà làm báo trứ danh Pháp là ông MARIUS và ông ARY LEBLOND mới đây, trong tạp chí La Vie, có nói: « Chính-sách nào được trường-cửu cũng đều là chính-sách có cái thi-tử thẩm-nhuần, mà thi-tử là nghĩa sao, nghĩa là cái tinh-thần thiếu-niên mãi mãi tái-sinh vậy. »

Chúng tôi cũng theo một tư-lường ấy, một đường lối ấy, vì thế mà nhận làm báo Nam-Phong đời mới, chỉ ước-ao càng ngày càng có chút công kiến-thiết, gây dựng nên một vài công-cuộc hiển-nhiên, chứ không chịu là kẻ chỉ một mực chê-bại và phá-hoại; ước-ao cho cái công-lao kiến-thiết được thật nhiều kết quả về khắp các p-nương-diện. Muốn tới mục-đích ấy, lẽ tất-nhiên sẽ phải cậy nhờ đến khắp quốc-dân, không phân-biệt các giới và các đảng phái nào, không phân-biệt kẻ già người trẻ.

Lặng lặng mà làm việc một cách khiêm nhường, một cách ngay thẳng, làm việc theo cái tin-ngưỡng của chúng tôi, làm việc để tái tạo nước Việt-Nam cho khỏi mang tiếng hủ-bại và không thích-hợp với thế-giới mới, cho thành một nước Việt-Nam mới, xứng-dáng với lịch-sử bốn nghìn năm, cho có thể-điện với các giống nòi khác trong năm châu.

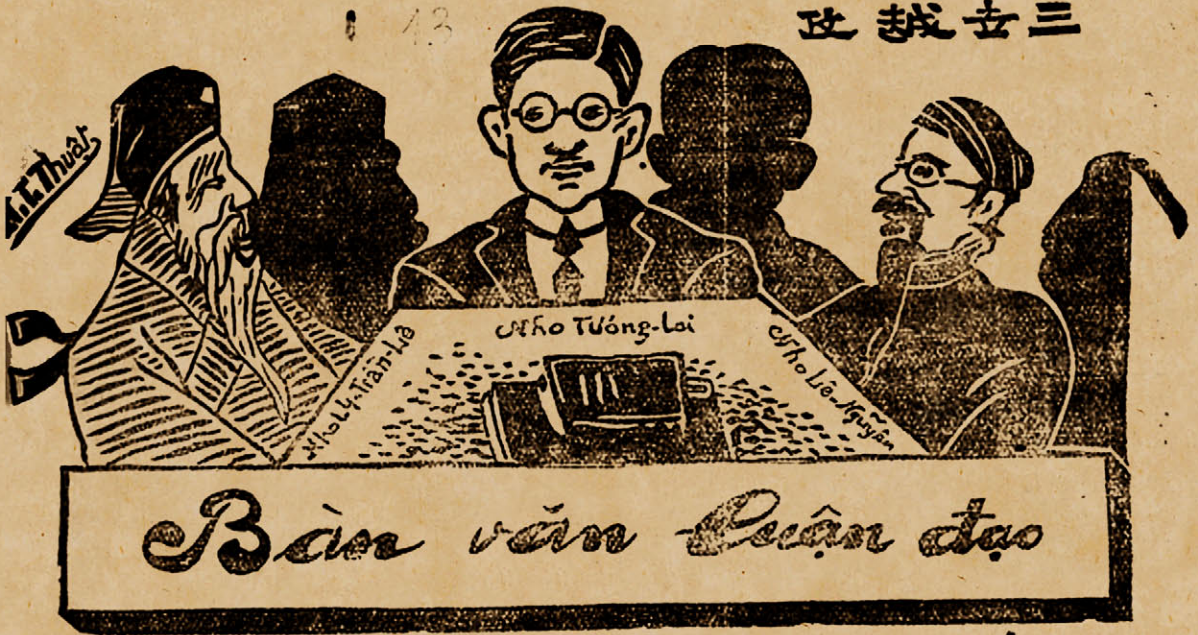
Mục-đích Nam-Phong, công-việc Nam-Phong, về phần tôi, chỉ biết theo những lời tự-nguyện đó.

Dù hiện nay công-việc trong tòa-soạn Nam-Phong, những việc gì thuộc về ban khảo-cứu thì tôi không dám nhận một chút trách-nhiệm nào. song riêng tôi thì chỉ biết thờ chủ-nghĩa thanh-niên, chỉ muốn cùng anh em thanh-niên mượn Nam-Phong làm cơ-quan mà thử lo-linh một vài sự kiến-thiết, cải-tạo, cho có ích một đôi phần trong cái cuộc đời mới của nước cũ bốn nghìn năm.

HÀN TRU

Độc trong **NAM-PHONG** số tới đây :

Những nguyện-vọng của dân An-Nam của Nguyễn Tiên-Lãng
Lại tới Thần - Kinh và (du - ký) của Nguyễn Tiên-Lãng



GIẢI VÀ DỊCH LẠI CÂU SÁCH
 LUẬN-NGŨ' CHO BÁO PHONG-HÓA

Cho được thực-hành cái việc « Làm cho người ta biết đạo Khổng là không hợp-thời nữa », Phong-hóa số 98, ông Nguyễn Tường-Tam — bài ấy ký tên hiệu là Tử-ly, nhưng cũng là ông Tam, theo tính-cách báo ấy nhận như thế — đã đem một câu trong sách Luận-ngữ, lời Khổng-tử nói khi ở trên sông, dịch và phê-bình một cách trào-phúng. Ý ông Tam cho lời ấy là tầm-thường.

Ông Tam thác ra một hôm ông cũng đứng trên sông — trên cầu sắt sông Nhị — cũng ngắm dòng nước chảy như Khổng-tử khi xưa mà nhớ đến một lời của Khổng-tử do thấy nước sông chảy mà nói ra. Cứ trong nguyên-văn ở Luận-ngữ thì trên câu đó chỉ có năm chữ: « 子在川上, 曰 Tử tại xuyên thượng, viết = Phu-tử ở trên sông,

Ngài nói rằng » thế thôi. Nhưng ông Tam muốn chứng cho câu của Khổng-tử đó là tầm-thường, trước khi dịch, ông bịa thêm vào hai chữ « buột mồm » mà nói Phu-tử buột mồm mà than rằng :

« Thế giả như tư phù, bất xả trú dạ
 逝者如斯夫 不舍昼夜

Thế rồi ông dịch một cách kín-đào vào trong hai cái dấu ngoặc :

« Đêm ngày cứ chảy luôn như thế mãi. »

Phải, buột mồm là lời nói không nghĩ, nước sông ở đâu bao giờ chẳng đêm ngày cứ chảy như thế mãi cho đến lúc cạn hết mới thôi, thì còn chảy như thế nào được. Cứ như câu ông dịch ra đấy thì câu ấy là lời buột mồm thực, lẩn-thần quá, không đủ lò-dịch (logique) một tí nào ! Thực như : « Nửa đêm giờ

tí canh ba, vợ tôi con gái đàn-bà nữ-nhil »

Thế mà sao Khổng-tử cũng nói, thế mà sao họ vẫn tôn-sùng là phát-minh, là thánh-nhân. Nghĩ vậy ông bèn phê-bình: « *Thế mới biết thánh-nhân có khác (tôi không nói lời đầu đuôi, tôi chỉ dứt Khổng kia), có thánh nhân mới phát-minh ra rằng nước sông cứ chảy hoài... chớ đến lúc cạn.* » Ông Tam phê như thế là để làm cho hợp với nghĩa hai chữ « *buột mồm* » mà ông đã bịa ra trên kia.

Nhưng mà nghĩa câu ấy có phải như thế đâu. Ông Tam lầm to. Ông Tam mà hiểu lầm nghĩa lời nói của Khổng-tử, cũng không lấy gì làm lạ. Sự công-kích Khổng-tử ngày nay cũng là sự thường, miễn là phải nói sao cho đáng. Vì còn có cả một nước văn-minh hiện-thời, đang làm quang-dại cho Khổng-học kia mà. Vậy sao chưa hiểu hết nghĩa như câu này mà đã hấp-lấp công-bổ lên báo, bàn dịch phê-bình như thế. Thế ra ông Tam khinh cả chân-lý, khinh cả thiên-hạ hậu-thế ở cõi Đông-Á này dư? Hay là nghe ai?

Câu này là lời tỉ-dụ. Khổng-tử nhân thấy nước sông cứ chảy luôn không lúc nào ngơi, Ngài bèn nghĩ sự biến-hóa trong vũ-trụ, trong từ thân ta, ngoài đến vạn-vật, ở đâu bao giờ cũng đều đang qua đi không lúc nào ngơi như thế, Ngài mới đem những việc kia mà tỉ-dụ với việc này, mà nổi ra câu ấy. Về văn-pháp (*grammaire*) câu ấy (逝者, 如斯夫, 不舍昼夜 thế giả, như tư phù? bất xả trú dạ) thì nghĩa đen như thế này:.

Hai chữ « *逝者 thế giả* » là một hợp-từ (*mol composé*) = những việc đang qua đi, tức là những việc đang biến-hóa của vũ-trụ, khác với « *vãng-giả 往者* » là những việc đã qua đi mất rồi⁽¹⁾.

Còn chữ « *斯 tư* » là thế danh-từ (*pronom*) = thế này, thay cho sự chảy luôn không ngơi của dòng nước sông đương lúc Khổng-tử trông thấy đấy.

Ý tỉ-dụ hai việc như thế là đúng rồi, nhưng còn hỏi gặng lại cho thêm vững lý, nên mới có chữ « *夫 phù* » là trợ-từ = *Chẳng?*

Vậy thì câu này phải dịch như thế này mới đúng: « *Những việc qua đi đều đang qua đi như thế này chẳng? suốt ngày đêm không lúc nào ngơi* ». Hay là: « *Những việc đang qua đi đều ngày đêm không ngơi như dòng nước chảy này chẳng?* »

Như thế câu của Khổng-tử nói, là hai việc khác nhau, chứ không phải là một. « *逝者 = Những việc qua đi* » là một việc; « *斯 thế này* » thay cho dòng nước chảy là một việc. Mà chữ 如 = *như* là tiếng vừa đề nối vừa đề so-sánh. Thế là câu nói ấy tự nó lộn nghĩa rồi, không phải giải thêm, người ta cũng đủ mà hiểu. Vả, như thế là Phu-tử nghĩ kỹ mới nói đấy chứ, sao lại là buột mồm được.

Thế mà ông Tam tưởng câu ấy là một việc, là vì nguyên chữ « *逝 thế* » mà cắt nghĩa theo tiếng ta thì nó có nhiều cách: *Đi* (người), *qua* (việc), *chạy* (ngựa), *chảy* (nước). Ở câu này lại là lời nói ví dòng nước chảy, nên ông tưởng ngay « *thế逝* » là chỉ về

(1) *Giả* 者 là danh-từ trống. Một hay là nhiều: người ấy, cái ấy, việc ấy, khi hợp với tiếng nào thì mới thành tên về tính-cách ấy. Như: *đọc-giả* 讀者, *tác-giả* 作者, *diễn-giả* 演者 đều về lối hợp-từ này.

nước chảy, mà quên mất hai chữ « giả 者 » với « phù 夫 ». Ông Tam bèn dịch là: « Đêm ngày cứ chảy luôn như thế mãi », thành ra chỉ có một việc mà thôi. Nếu như ông đã dịch: Nước sông cứ chảy luôn như thế, thì ai còn lạ gì, mà nguyên-văn còn dùng chữ « phù 夫 » để hỏi gặng, hăm với hử cái gì nữa.

Vả nếu câu ấy mà không phải là lời tỉ-dụ để so-sánh hai việc mà chỉ là nghĩa đơn theo có một việc, thì không có hai chữ « giả 者 với phù 夫 », mà phải có chữ « kỳ 其 = Nó (qui) », như: « 其逝如斯不舍晝夜 Kỳ thế như tư, bất xả trú dạ! = Nó cứ chảy suốt đêm ngày như thế mãi! »

Nhưng trên câu này không thấy nói gì, mà bỗng dưng thò ra « nó cứ chảy luôn như thế mãi », thì ai biết là chuyện gì. Phi khuyết - văn thì bất - thành *logique*.

Phàm lời nói nào có lộn nghĩa, thì mới nhân đó mà giải nghĩa cho thêm tường ra được. Chữ như ông Tam đã dịch: « Cứ chảy như thế ... » thì nó cứ chảy như thế mà thôi, còn căn-cứ vào đâu mà đoán cho lời ấy là ý thế này thế nọ được. Đoán ra ngoài như thế là sa lạc vào chỗ sai-lầm (*tomber dans l'erreur*).

Ấy thế mà ông Tam cũng cứ giải nghĩa tràn đi. Giải đề mượn mà công-kích phái Nhộ không theo lời thầy. Phái, đạo Khổng sai mất chân-truyền đã lâu, cái đó đời đã công-nhận rồi. Còn ông giải là: « Ý Phu-tử cho sự

vật biến-đổi luôn, thành ra rồi lại khác đi ». Dem chữ « thành » giải nghĩa vào đây, dù biết ông chưa thâm hiểu được cái nghĩa « biến-hóa luôn » ở trong câu nói ấy của Phu-tử, cũng như ở trong thuyết Thiên-diễn (*l'évolutionnisme*) của Thái-tây.

Câu « những sự qua đi như nước chảy » này là một cái luật trong Dịch-học ngày xưa, một cái luật trong Thiên-diễn-học ngày nay. Sự qua đi hay là sự biến-hóa đã không lúc nào ngơi, thì còn lúc nào thành. Cho nên một hiện-tượng nào trong vũ-trụ cũng vậy, bề ngoài thoạt coi tưởng là thành, mà bề trong vẫn biến-hóa luôn, nào đã lúc nào thành đâu. Chúng ta cũng thế, cái cầu sắt sông Cái mà ông Tam dùng bắt chước Khổng-tử cũng ngầm nước chảy cũng thế, quả địa-cầu này cũng thế, chẳng cái nào có lúc thành cả. Thế mới là « đang qua đi như nước chảy » chứ. Cho nên nhà Thiên-diễn-học Thái-tây không nhận có đời « kim ». Đã không có đời « kim », còn làm gì có thành. Đó là một nghĩa triết-lý rất tinh-vi trong Thiên-diễn-học, bởi một ông tổ xướng ra từ hơn hai nghìn năm trước.

Khoa Thiên-diễn-học mới hoàn-bị và thịnh-hành ở Thái-tây hơn một thế-kỷ nay. Nợ bao-quát khắp các cái học khác, nó chi-phối cả mọi cái tư-tưởng ở hiện-thế. Nhưng người Tây người ta không quên ơn kẻ đã xướng ra. Huxley chợ khoa-học này là nối cái mối đã đứt của HÉRACLITE (1), thủy-tử cách-

(1) HÉRACLITE (576-480 trước J. C.) nhà triết-học Hy-lạp. Chủ-trương thuyết hòa-hóa, xướng ra cái học cách-trí trước nhất ở Âu-châu.

tri-học Âu-châu, đồng-thời với Khổng Trọng-Ni.

Huxley có dẫn một câu của HÉRACLITE để làm trụ cho sách Thiên-diễn-luận của mình rằng :

« Đời không có kim, có quá-khứ và « vị-tại mà không có hiện-tại. Ví như « rửa chân trong dòng nước chảy, nhắc « chân lên lại để xuống ngay thì cái « nước lúc trước đã không còn đấy « nữa rồi. Là vì cái dòng cuộn-cuộn « ấy nó không đợi ta 世無今也. 有過 « 去, 有未來而無現在. 譬諸濯足 « 長流, 抽足再入, 已非前水. 是混 « 混者未嘗待也(1)»

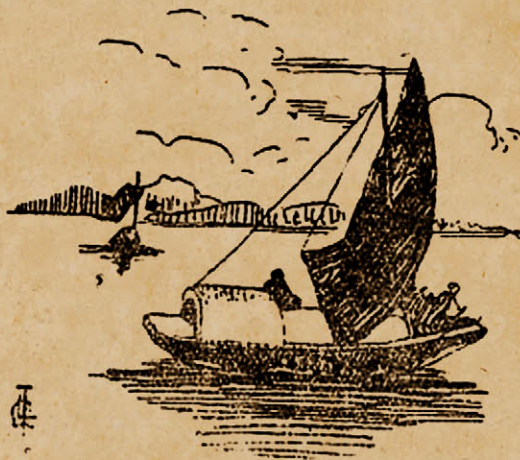
Coi đó thì biết cái học của người Thái-tây người ta biết trọng cội gốc là

như thế. Thế mà câu trên sông của Khổng Trọng-Ni với câu rửa chân dòng nước của HÉRACLITE thì lại không hện mà gặp nhau. Đạo Héracrite ở Âu-châu nay đã có người nổi mà làm cho rạn tỏ, còn đạo của Khổng Trọng-Ni ở Á-đông thì chưa có người nổi mà còn bị mờ-mịt đó thôi. Nhưng hiện đã có Nhật-bản đang phục-hưng Khổng-học.

Tôi phải viết bài này là vì học-thuật của Đông-phương. Vậy Phong-hóa có đáp lại bài này, xin đừng dùng những chủ-nghĩa : Đũa, câu và lối kỹ tên hiệu.

Nguyễn Trọng-Thuật

(1) Đừng bảo đây là dịch ở chữ Anh (Nghiêm-Phục Trung-quốc dịch) ra câu Hán-tự này, không phải nguyên-văn. Nhưng phải biết nếu câu này ở trong chữ Pháp thì cũng là dịch-văn, vì nguyên-văn của nó ở chữ Hy-lạp kia. Và dịch đúng hay không là ở người dịch, chứ không ở thể chữ nào.



42

ÔNG PHỒ XE

NGUYỄN KHẮC-CÁN

— Sao hôm nay bây giờ bố đi mới về? Sao đi khắp-khiêng thế kia?

— Chỉ mẹ mày làm khổ tôi. Đã bảo gao rẽ cũng cứ bán để lấy vài hào lẻ ông ấy, cho ông ấy không đánh thì chẳng nghe. Đây này, xưng cả đầu gối và con khoai lên đây này. Ở dưới để thật nhục, lắm người không có tiền lẻ người ta, thực không bằng thân con chó.

— Nào ai biết đâu, tưởng đã phải đi phu thì sao lại còn mất tiền lẻ.

— Lại còn lạ gì. Hề có vài hào thì người ta để yên cho mà làm, nếu không thì hơi đi chậm cũng phải đánh, sảo dặt hơi vơi cũng phải đánh, cuốc không khỏe cũng phải đánh. Thôi, kỳ này ông phó Bít xin thôi, tôi cố ra làm phó-lý, không thì khổ lắm. Có miếng mà ăn cũng chẳng yên với họ.

— Ủ, không thì bố đi cố ra ma làm. Đây ông trương Tịn trước cũng như bố đi, chỉ ra môn-hạ cụ Thừa có một năm, cụ lo cho làm: trương tuần, nay đỡ khổ về phu-phen tạp-dịch, lại cũng có chỗ ăn chỗ ngồi. Thôi, khuya rồi, đi ăn cơm đi, hôm nay cái Khít nó nấu được nồi riêu cua ngon lắm, tôi để phần một bát đấy. Hôm nay ở nhà tôi đã bán được thúng gạo, nài bà bọt mếp người ta mới trả được tám hào chỉ, định để ngày kia làm giỗ cụ.

— Thôi hãy dành để tiền ấy để thuê người đi thay cho tôi ngày mai, chứ

dau thế này thì tôi đi làm sao được. Có tiền kém ít nhiều cũng cố ra phó-lý kỳ này, cứ bạch-dinh mãi lắm lúc, nhục quá, mẹ nó ạ.

Độ mười hôm sau, một ngày kia, sau khi nhà cụ Thừa ở phố chợ đã vắng khách ra vào, thì người ta trông thấy một người da bánh mật, mắt trắng rã, môi thâm si, mình vạm cái áo the dung-dúc, đầu chít khăn lượt cũ, chân lê đôi giầy hai mép đã bật; theo sau có một người chạc ba-mươi tuổi, vẻ mặt hiền-lành ngay-dại, có dáng sợ hãi khép nép cùng tiến vào trước hiên nhà ông Thừa. Người đi trước cất tiếng chào: « Lạy cụ ạ », người đi sau chấp hai tay vái dài một cái chào theo: « Bẩm lạy cụ ạ ».

Ông Thừa mồm mấp nhanh nhẩu vồn-vã hỏi:

— Kia cụ hội cụ, lâu nay cụ mới ra chơi thế? Cụ vẫn được mạnh chứ?

— Thưa cụ vì mấy tháng nay chúng tôi bận về việc chữa lại cái tam-quan dinh để tháng tám năm nay lang vào đám, nên không năng ra hầu cụ được, cụ thứ lỗi cho.

— À, thế chứ. Mời cụ ngồi chơi đây. Pha nước, mày!

Rồi ông hất hàm hỏi người kia:

— Anh có việc gì đó?

— Bẩm, bẩm lạy cụ, con nhờ cụ hội

con đưa ra cửa cụ để nhờ cụ tác-thành cho chúng con một việc.

— Việc gì thế? anh cứ nói.

Người kia sẽ rón-rén tiến lên mấy bước, khép-nép đứng tựa vào cánh cửa, tay chấp ngực, tay gãi tai, ấp-úng run-run trả lời:

— Bầm... bầm... bầm lạy cụ, anh phó Bật làng con mới được thôi, con muốn ra làm phó-lý, cụ hội con đưa ra hầu cửa cụ để nhờ cụ tác-thành cho, gọi là có chút lễ mọn ra trình-diện cụ....

Ông hội vừa hút xong điếu thuốc lào, tay buông cái xe điếu ống dài tít vút ra, miệng hếch lên thở khói, ngắt lời người kia:

— Bầm cụ, bác này người cùng xóm với tôi, tên là Nguyễn Văn-Xe, nhờ tôi ra cậy cụ lo cho hắn làm phó-lý, nhà hắn cũng khá, cấy ngót mười mẫu ruộng, nhà ngói, trâu cày, hắn muốn có chút công-danh để được trừ phu-phen tạp-dịch và ra nơi đình-trung cho có chỗ ăn chỗ ngồi....

Ông Thừa vừa nghe vừa làm ra dáng nghĩ-ngợi đáp:

— À, việc phó-lý này có lẽ khó lắm đây, vì hôm nọ cũng đã có một người tên là Trần hay Trấn gì đấy ra xin quan tôi việc ấy, mà họ khẩn những (ông vừa nói vừa giơ năm ngón tay lên làm hiệu) cơ đấy!

Bác Xe ta không hiểu là thế nào, vì từ thuở cha mẹ đẻ đến hôm ấy bác mới đến cửa cụ Thừa là một, bác ấp-úng hỏi:

— Bầm... bầm cụ, cụ dạy thế là thế nào ạ?

Ông hội dõ ngay lời ông Thừa:

— Cụ dạy thế là người kia đã khẩn quan năm trăm, bác muốn làm thì phải hơn thế mới được. Ở làng ta

Trần hay Trấn là ai nhỉ?— À, chính con cụ bá xóm trên rồi, thế thảo nào!

Bác Xe nghe thấy nói « năm trăm » bỗng tái mét cả mặt, tưởng chừng cái không còn được giọt máu, ngập-ngọng đáp:

— Bầm... bầm, trên lạy cụ Thừa, dưới có cụ hội, như thế thì con không lo được.

Ông Thừa ngược hai con mắt ốc nhồi trắng rã lên nhìn bác Xe bảo:

— Anh chỉ giàu giàu, cấy ngót mười mẫu ruộng, nhà ngói, trâu sù, làm gì mà không lo được. Anh chẳng thấy ông lý làng anh tốn linh nghìn mới làm được lý-trưởng đấy ư? Thế nào là việc công danh? thế nào là « tốt danh hơn lành áo ». Anh cố đi, tôi sẽ hết sức giúp cho.

Ông hội nói tiếp:

— Đấy, cụ Thừa dạy thế đấy, bác nghĩ sao thì nghĩ; khóa này mà không cố ra thì thật đáng tiếc. Quan ta bây giờ có lòng nhân lắm, lại được cụ Thừa đây thương, chẳng hơn để khóa khác ngộ không được thế ư?

— Bầm... bầm hai cụ, con cũng cố muốn ra làm, nhưng bác cả Trần cũng cố ra thì lại phải tranh nhau. Nhà bác ấy giàu lắm, cụ bá sinh ra bác ấy lại là người thần-thế trong làng, khó lòng mà con tranh được.

Ông Thừa cười nhạt lên giọng nói khích:

— Thế chẳng ra hèn lắm ư? Anh thử một phen trúng chọi với đá xem nào, thế mà được mới danh-giá chứ. Cụ hội vừa nói làng ta đến tháng tám này vào đám, anh mà cố làm được, bấy giờ ra đình anh đã ngồi chiếu trên nghe hát, mà thằng Trần thì phải vào việc đao thớt, vậy thì ai sướng hơn, tôi tưởng chừng ấy chứ nữa cũng đáng....

Ông hội nói tiếp :

— Đấy bác chẳng xem ông lý mới làng ta chẳng mất hơn nghìn bạc, thì hôm việc làng mới rồi ai đem cờ lọng đến tận nhà mà rước văn-tế ra đình, lại phẫn biểu phần xén luôn luôn. Hôm nọ đám ma cụ Tổng, một mình một cái lăm lợn lạng lạng. Mỗi tháng hai kỳ sóc-vọng, chẳng gì cũng phẩm oản quả chuối đưa đến tận nhà. « Một miếng giữa làng bằng sàng sớ bếp » anh ạ...

Bác Xe đứng nghe hai cụ diễn-thuyết cũng thấy bùi tai, khác nào chú chuột non ngửi thấy mùi mỡ thơm lừng trong cái bầy, tài nào mà chẳng chui đầu vào; bác đã tưởng-tượng trong trí nào thịt nào xôi, nào hưng nào bại, nào khi khệnh-khạng đi ăn khao nơi này, ăn vọng nơi khác, nào khi xúng-xính cái áo thụng tiến quan huyện cũ, đón quan huyện mới, danh-già biết chừng nào! Vẽ-vang biết chừng nào! Bác tỏ ra dáng vui-vẻ và thô-thể đáp :

— Bẩm lạy hai cụ, hai cụ dạy con lấy làm phải. Hiện bây giờ trong họ con chẳng ai làm được gì, đến trưng-tuần xóm trên người ta cũng làm mất. Nhà cụ bá mấy đời giữ lý-trưởng, lại vừa được thưởng bá-hộ, ăn khao lừng cả hàng tổng...

Ông Thừa ngắt lời :

— Anh cố lên, nhờ trời quan thương, làm phó-lý mấy năm, tôi lo cho làm lý-trưởng, cái gì chứ cửu-phẩm thì nắm chắc trong tay. Muốn được như vậy, anh phải cố lên chứ, không lờ ra tên kia lo được trước thì công việc hồng bát. Tôi hạn — hôm nay là mấy nhỉ? — à mồng năm — đến quãng ngoài rằm thì anh ra đây nhé, tiền hãy lo lấy tam-bách để cược trước thì

quan mới nghe, còn thì đề đến hôm lĩnh bằng phải đưa nốt.

— Bẩm vâng, cụ đã có lòng tác-thành cho, con xin cố, đề sau này được uấp bóng cửa cụ ngộ mở mày mở mặt ra được với làng xóm. Cụ đã dạy thế con xin vâng, đề con xin về lo-liệu.

Hai ông thấy bác đã vào chòng rồi như mở cờ trong bụng, ông hội đứng lên :

— Thôi ta về đi. Bác thế là may lắm đấy, có tôi đây là chỗ đi lại hầu cụ, cụ mới hết lòng giúp cho, chứ chỗ khác thì còn là sứt trán. Vậy về thu-sếp chóng lên nhé. — Thôi tôi xin phép cụ, tôi phải về sớm một tí vì hôm nay lại phải đi tế đám ma bên xóm giữa....

Ba người đi ra, trông vẻ mặt mỗi người có một cái vui mừng riêng. . . .

— Thôi, xin rước cụ trở lại, lạy cụ ạ.

— Không dám, kính cụ.

— Bẩm lạy cụ ạ.

— Phải, anh về, công việc thế đấy, anh liệu chong-chóng lên đấy.

— Bẩm cụ vâng ạ.

— À này, cụ hội, quay lại tôi hỏi nhỏ tí đã.

— Bẩm cụ dạy gì ạ?

— Này, cụ hội liệu nó có định làm thực không? chỉ sợ về lại có kẻ bàn ra, nó thối-thì mình học.

— Bẩm cụ không ngại, nó định làm thực đấy. Trong họ nó chẳng có ai biết gì mà dạy khôn nó đâu, một lũ ngu-ngốc thì tôi xúi thế nào chúng nó chẳng nghe.

— Phải; cụ phải săn-sóc đến việc này mới được. Có những hạng ngu dốt đại dốt thế thì mình mới bỏ, chứ họ mà khôn lại có học thì mình ăn gì. Lúc nãy tôi bịa ra rằng đã có thắng

Trần ra khẩn quan năm trăm, chứ làm gì có. Thắng ấy nó tuy ít tuổi, nhưng nó có học, quan ăn được của nó cũng còn soi nữa là mình.

— Vàng, chính thế. Nhưng muốn cho thắng này chịu mất tiền thì tôi phải đến nói với ông lý bá cho thắng ấy vờ ra tranh, để ông ấy kiếm mấy chục. Tôi lại phải xúi một thắng khác ra làm, đấu đơn tranh với nó, thì mỗi thế bầu của chúng tôi ít ra chúng nó cũng phải mua đến một chục.

— Phải, phải thế mới được chứ, cụ nên tìm một đứa cũng có máu mặt thì chúng nó mới hăng tranh nhau. Cốt nhất là cụ phải mưu mẹo cho thắng Xạ nó chịu mất tiền, tôi sẽ không để cụ thiệt đâu, quan hai phần thì chúng mình một, cụ ạ.

Ông hội nghe thấy những lời hứa ngon-ngọt ấy mừng rỡ lưỡng-cuống nói :

— Vàng, tôi biết bụng cụ lắm chứ, tôi dặt hầu cụ bao nhiêu món, món nào cụ cũng cho tôi chút phần... Thôi, lạy cụ.

— Không dám, kính cụ.

* * *

Sau đó độ nửa tháng, một ngày kia người ta thấy tấp-nập trên con đường vào đình làng Nhu-xá, kẻ đi người lại, bàn-tán nhỏ to.

— Các cụ ạ, khóa này chắc bác sĩ Xạ được, vì bác ấy đã lọt cụ Thừa để chạy với quan, lại bỏ bao nhiêu tiền mua thế, bác ấy đã bán năm sáu mẫu ruộng rồi kia mà.

— Không, cụ làm, anh Bằng chắc hơn, vì anh ấy đã chạy tặn trên quan phân đấu tòa rồi kia, tôi thấy mang tiền lên mấy lần rồi đấy.

— Trước tôi tưởng khủng-khoảng này thì chức phó-lý đến ế, không ngờ lại tranh nhau góm thế. Giá thắng Ba nhà tôi mà ra thì đến hết nghiệp.

— Hai bác này rồi cũng chẳng kéo, các cụ ạ, chưa xong gì mà đã thấy bán liềng-siêng lên cả với nhau; xong rồi còn tạ chỗ này chỗ khác, lại ăn uống khao vọng, thì các cụ tính còn gì.

— Bác sĩ Xạ mua đôi lợn nhà tôi để làm cỗ đãi dân hôm nay đấy mà.

— Bác Bằng cũng vậy, lúc tôi đi qua ngõ đã thấy í-oéc mổ lợn rồi đó....

Đấy là những câu bàn tán của các ông trong hội-dồng, các ông kỳ-mục đi bầu phó-lý.

Hết quá trưa hôm ấy thì người ta đã đồn khắp làng rằng bác sĩ Xạ trúng rồi, pháo đốt om cả xóm, bà con đến mừng tiu-tít. Còn bác Bằng hồng xem chừng uất-tức lắm, đe trước mặt bác Xạ rằng thế nào cũng di khiêu-nại hết cách cho mất phó-lý mới nghe. Ở huyện không xong thì lên tỉnh, ở tỉnh không xong thì ra Hà-nội, còn mấy mẫu ruộng theo cho hết là cùng.

Bác sĩ Xạ — à quên ông phó Xạ — nghe những lời đe dọa ấy chẳng lấy gì làm sợ, vì ông nghĩ bụng rằng đã có cụ Thừa làm quan thầy, lại quan huyện tác-thành cho thì năm bảy thắng Bằng cũng chẳng làm gì nổi. Ông phó bản-tính hiền-lành, ra làm cũng chỉ cốt lấy chút nơi ăn chốn ngồi và tránh những cái khổ về phu-phen tạp-dịch, chứ ông cũng chẳng muốn gây thù gây oán với ai. Nhưng ông bị bọu kỳ-mục thầy dùi nó súc-siêm, những là : « Sợ gì nó, đã thế thì làm cho nó biết tay một phen nào, để không còn ai nữa dấy hấn, chúng tôi đây làm bù-dìn à? Đi đón ả-đào về đây, đón phường chèo về đây ;

đi ra chợ lấy thêm pháo, đi mượn thêm vài cái bàn đèn, ông cứ ăn uống hát xướng linh-dinh cho nó biết tay....»

Ba Bạng nghe thấy những lời ấy lại càng thâm gan tím ruột, lại nghĩ đến ba bốn tháng nữa đây làng vào đám, phó Xe nó ngồi trên nghe hát, nào áo thụng đi lễ, nào phần phò biếu sên, mà mình thì phải khênh cỗ làm thịt, xấu hổ biết chừng nào! nhục-nhã biết chừng nào! Thôi thì đi ăn mày cũng đành, chứ không thể dè dặt được. Nghĩ vậy, bác ta ngày đêm tìm cách dè khiêu-nại, hết việc nọ đến việc kia, nhưng mỗi việc ông phó Xe cũng chỉ mất vài ba chục là êm. Ông lo lại chóng được lĩnh bằng, tiền nong dân dấy đủ cả rồi.

Bạng đi được hơn một tháng, ông không bị đòi hỏi luôn luôn như trước nữa, ông tưởng đang kia nó cũng thôi, nên ông được yên-ôn làm ăn — nói quả-dáng-tội cũng không còn gì mà làm với ăn, ruộng còn được vài sào ở chỗ chiêm khô rét lụt với một nếp nhà nát không ai buồn mua — yên-ôn đây nghĩa là ông không bị nay mất cho cậu lính vài hào, mai phải thết cậu lệ bữa cơm và thỉnh-thoảng cũng được khoác vai cái áo thụng đi lễ với cái đám ma đám miếu. Mỗi khi ông được miếng thịt xâu tằm mang về thì lại nghĩ đến nhà tan ruộng hết, trông thấy ở trước mặt cái cảnh cùng-quần khốn-đốn, thì ông lại rầu-rầu nét mặt, ra ý lo buồn...

Bỗng một hôm có giấy đòi ông ra huyện, ông cũng tưởng như mọi bận khác, hoặc quan truyền cho mượn mâm mượn nôi để nhà quan có giỗ cụ cố, hoặc việc bắt phu bắt tráng gì đấy. Không ngờ tên Bạng có đơn kiện vụ cho ông bán tre bán phu vụ dè mới rồi. Lần này ông không còn biết lấy tiền đâu mà chạy được nữa, sau cùng phải bán một đừa con đi, nhưng khổ nỗi chẳng được bao nhiêu nên công việc không xong. Ông cũng hết sức đi van chỗ này, lạy chỗ khác, nhưng bây giờ của hết thì còn ai thương, họa chẳng chỉ vợ con ông thương ông mà thôi.

Được độ hai tuần lễ, một buổi kia ông bị đòi ra huyện, lúc về đến nhà thì chân ông đi không vững, mặt ông tái xanh tái mét, bà phò thì đương ngồi ăn rau sam luộc với ba đừa con ốm yếu, ông trông thấy uất lên kêu to mấy câu: «Ồi trời đất ôi là trời đất ôi! chúng nó hại tôi rồi, chúng nó giết tôi rồi, vợ con tôi khổ thế kia là vì dàu. Tôi phải thu bằng hãi-dịch rồi, u nó ợ. Tôi còn sống sao được ở làng này nữa!» Vừa dứt tiếng thì ông ngã vãi xuống sàn, bất-tình nhân-sự...

Mấy hôm sau người ta đã chẳng thấy ai ra vào trong túp nhà tranh kia nữa, thì ra ông đã cuốn xéo đừa vợ con lên nơi rừng xanh núi đỏ để kiếm ăn cho qua đời một gia-dình chỉ vì phong-tục đôi-bại, hân-tâm tân-khắc mà phải điều-đứng lênh-dềnh...

NGUYỄN KHẮC-CÁN



CHO'I PHÚ-QUỐC (1)



II

Trời sáng, một buổi bình-minh trong-trẻo. Ân lót lòng xong ; chủ thuyền vừa đến giục, chúng tôi từ giã bà con, mang đồ xuống thuyền.

Thuyền chúng tôi đi đây là thuyền buôn, chở nước mắm đi Rạch-giá ghé qua Hà-tiên, tiện đường chúng tôi đi theo để nếm qua cho biết cái thú đi biển bằng thuyền buôn. Cái tính hiếu-kỳ và « mạo-hiêm » ấy đã nuôi sẵn trong lòng mỗi khi đọc truyện *Télémaque* phiêu-lưu, chuyện *Quả dưa đỏ* hay những bài du-ký của ALAIN GERBAULT. Đối với người quen đi biển thì Phú-quốc Hà-tiên mà đi như thế rất là thường, và rất là bình-yên ; nhưng đây chúng tôi, dùng chữ « mạo-hiêm » là nói với một kẻ con gái học-trò mới từng bước xuống thuyền đi biển lần đầu, thì trong lòng bấy giờ cũng được cái tự-phụ như chàng ALAIN GERBAULT mới bước chân xuống chiếc *Yacht* qua biển Đại-tây-dương ! Xin đọc giả cho phép và đừng cười !

Thuyền chổng ra khỏi cửa thì giương buồm. Gió nam thổi nhẹ. Thuyền từ từ đi. Tôi đứng trên mũi ngắm nhìn lại làng Dương-đông, mấy chòm nhà ẩn trong dặng cây dương xanh tha-thướt bên ghềnh, lòng tôi thấy chạnh buồn, từ-giã chốn phong-cảnh hữu-tình ; tuy Phú-quốc là chốn tôi mới đi chơi qua mà đối với nơi đó, tôi đã có nhiều cảm-tình đậm-thấm. Cảnh dễ quyến lòng người ! Thuyền đi xa. Trông

lại không còn thấy rõ nữa, chỉ thấy một màu cây xanh kề làn nước trắng.

Bỗng gặp gió chướng, không chạy xuôi được, phải chạy vác. Vác suốt một ngày ròng-rã, đến chiều thì vừa tới Hòn-chảo. Neo lại đó để nghỉ đêm và tránh gió. Theo như sự kinh-nghiệm của người quen đi biển thì họ xem trời biết trước sắp có cơn giông. Mà thiệt, đầy trời mây đen mù-mịt, rồi đổ trận mưa to. Thuyền lại nhỏ, bị chở nước mắm đầy ; chúng tôi ngồi chen-chúc trong mũi, chốc chốc lại vén tấm màn lên ngược dòm trời ; bốn bề tối mịt như bung lầy mắt, thỉnh-thoảng có cái chớp sáng lòe chạy trong cõi mênh-mông mờ-mịt.

Chúng tôi ngồi vừa bàn chuyện. Có lúc cãi nhau về một vấn-đề, có lúc kể lại nhau nghe những chuyện phiêu-lưu mạo-hiêm trong sách đã từng xem, thì ai nấy đều mãi nghe mà quên mất cái cảnh lạnh-lùng lo-sợ, dần-dần lại thấy đầm-ấm vui-vầy vì câu chuyện, mà tưởng mình đang ngồi ung-dung trong phòng học ở nhà. Từ-mờ sáng thì chúng tôi đã ngồi trên mũi rồi. Sáng hôm nay trời êm quá, ở trên thuyền như ở trên mặt đất, không có chông-chành xao-dộng gì cả. Mặt biển không có tí sóng gợn, êm-lặng như mặt nước trong ao. Ngoảnh trông trời biển toàn một màu mờ-mờ trắng điểm có mấy vệt mờ-mờ xanh. Cây cỏ trên Hòn-chảo vì nhờ có trận mưa đêm rồi, có

(1) Xem N. P. từ số 198.

vẻ xanh tươi hớn-hở, trông thấy được cái khí phát-sinh của tạo-hóa.

Thật là một buổi sáng vui-vầy, ánh-nắng rực-rỡ chiếu giọi trên lá cây lóng-lánh nước đọng, một đám mây thưa nhẹ-nhàng phủ trên đầu non trông như một tờ giấy mỏng phủ trên bức tranh tuyệt-tác của một tay danh-họa mới vẽ xong.

Đàn chim riu-rit vang-lừng như chào mừng ánh sáng mặt trời rực-rỡ. Vì lặng gió, nên thuyền không chạy được. Ở mãi một chỗ thấy buồn chán vô-cùng. Trên Hòn-chảo, kề bên bãi cát trắng, năm liền đồng cỏ xanh chạy dài đều tận bên kia hòn. Thấy bãi cát trắng tốt, lại nghe nói trên hòn có suối trong mát nên ai nấy cùng ước-ao lên bờ, nhưng vì thuyền không vó gấn bờ được đành ngồi nhìn nhau thất-vọng ! Nhưng cái mây đã có sẵn bên chúng tôi, chiếc thuyền đậu gần có cái thuyền con. Mượn lấy bơi vô bờ. Lên được bờ rồi người mới thấy khỏe-khoắn. Bãi cát trắng phau, sóng cồn dào-dạt, chúng tôi chạy giỡn nô-dùa, nhớn như đàn bướm lượn, sung-sướng như con trẻ được quà. Có khi theo mé nước vừa đi vừa nói chuyện, có lúc rủ nhau bơi cát bắt chèo-chép. Lang-thang trên bãi cho đến chiều. Trời xế, chúng tôi đi tắm suối. Dòng suối quanh co chảy, chỗ cạn chỗ sâu, nước trong và mát lắm.

Tắm gội xong trở ra thuyền. Com nước rồi thì trời vừa tối. Một cái đêm trong-trẻo nhẹ-nhàng ở giữa khoảng biển trời lồng-lộng.

Trên trời trăng sao sáng tỏ, thỉnh-thoảng một trận gió mát nhẹ-nhè thổi qua. Trong thuyền có người đem theo cây mandoline. Bấy giờ lấy đem ra ; tiếng đàn du-dặt chìm bổng nhịp-nhàng, tiếng mau rang-rảng mạnh bạo nóng-nảy như thúc-giục lòng người,

tiếng khoan êm-địu nhẹ-nhàng như tiếng ru người trong cơn mệt mỏi. Biển trời bát-ngát, lồng-lộng bao-la, mênh-mang vô-tận, lộng-lẽ có-tịch như cõi ngoại trần, mà một tiếng du-dương bổng réo-rắt cất lên rồi tản-mác trong luồng gió, vang động đến lên sóng từng mây, khiến trong lòng cảm thấy cái cảnh thần-tiên huyền-bí lạ-lùng, tâm-hồn lay động phiêu-dao, ngộ-ngẫu như mình ở trong một cánh mơ-màng xa-lạ nào ; nửa như thiết nữa như chiêm-bao. Rồi cảm thấy trong cảnh lênh-đênh xa nhà cửa ở giữa khoảng nước mây bát-ngát cái tiếng cổ-hương như kêu gọi, mà tấm lòng du-tử cũng như bồi-hồi hoài-cảm.

Cảnh đêm ở giữa biển thật có vẻ thần-bí lạ. Mấy chòm cú-lao nằm êm-lặng trên mặt nước âm-thầm. Thỉnh-thoảng một con cá lội qua làm xao-dộng mặt nước hiện ra một vệt sáng trắng lòe, rồi lại tan ngay.

Đêm càng khuya, trăng sao càng sáng tỏ. Ngồi chán, lại nằm ; trên mũi ghe, chúng tôi tắm gió biển suốt đêm.



Trời sáng. Thuyền lấy neo. Gió thổi mạnh, con thuyền xuôi-sông, chúng tôi cách Hòn-chảo đã xa. Ngánh lại nhìn, bấy giờ mới nhận ra hình cái chảo, hai đầu hai ngọn núi cao là hai cái quai, cánh đồng bằng ở giữa bị mặt nước cùe khuấy theo chiều bầu-dục của địa-cầu xa trông như hình lòng cái chảo khồng-lờ nằm giữa miệng đời đời kiếp kiếp hứng cái tinh-khí mưa sương của trời cao rộng. Trông về phía trước bên tay mặt nhiều chòm đá đen xám, nằm rời-rạc nhau nhô lên khỏi mặt nước, xa trông như đàn trâu lội, nước ngập ngang lưng. Chỗ ấy người ta gọi là « Vũng trâu nằm ». Hôm nay gió mạnh nhưng gió ngược. Lại phải chạy vác. Thuyền lắc ghe, chòng-chanh

luôn, mỗi khi thuyền trở lèo, nghiêng về một bên nào thì đỡ-đạc đồ dòn về bên ấy. Chúng tôi nằm trong khoang phải trở dấy xáy qua luôn, mãi cho đến chiều cũng nhọc mà cũng vui. Cái ngày tập thể-thao ở giữa biển đó nghĩ mà cũng thú !

Đền Bạch mã trời vừa chiều, mà cũng vừa lặng gió. Chiếc thuyền đi lừ đừ. Cơm nước xong chúng tôi lại lên mũi ngòi ngắm cảnh. Bên tay trái chúng tôi là dãy núi Bạch-Mã. Trên đầu núi kê liền mé bãi một tòa nhà gạch là nhà nghỉ mát cho khách du-lịch. Dài theo mé bãi, lúp-xúp mấy cái nhà tắm. Phía đằng trước là chợ phố, một dãy nhà ngói nhô lên mấy cái nóc lầu cao. Bên tay mặt chúng tôi là Hòn-tay. Về đằng xa, phía trước mặt là Hòn-tre cửa. Trời vừa tối, thấp-thoảng phía trước, xa xa ở chỗ chân trời như ngôi sao năm lơ-lửng trên mặt nước, là ngọn hải-dăng ở cửa biển Hà-tiên. « Kia Hà-tiên là đấy ». Ai nấy đều gọi nhau chỉ cho xem, vẻ vui mừng hiện ra trên nét mặt. Cho mới biết cái hồn gia-đình lúc nào cũng vẫn sẵn có ở trong lòng người, nhất là ở bọn nhi-nữ chúng tôi.

Bên này ở hàng-phố Bạch-mã, đèn điện vừa bật lên một dãy dài sáng rực rỡ như sao sa, ánh sáng giọi xuống mặt nước biển, mới trông tưởng như đi ngang qua một hiệu kim hoàn, những bóng đèn điện, bóng kim-cương lấp-lánh nhấp-nhóang trong tủ gương bóng lộn.

Gió nhẹ quá, không đủ đưa chiếc thuyền đi tới. Cảnh buồm phất-phơ không bọc gió, hàng nửa giờ mà thuyền vẫn lững-lờ một chỗ. Bấy giờ lại bỏ neo đỗ lại đây, chúng tôi áy-záy bần-khoăn. Ai nấy ngời rầu rầu không buồn chuyện vãn nữa. Tôi bỡng nhớ, nói : Có lẽ là tại khi bọn mình xuống thuyền về, ở Phú-quốc bạn ta tiễn chân bằng

câu : « Chúc các chị đi về được gió êm biển lặng », thảo nào mà gió êm, biển lặng mãi thế này. Gió êm biển lặng đã suốt một đêm ngày rồi. Nếu mà gió cứ êm, biển cứ lặng mãi thì chưa biết bao giờ mới về đến nhà được. Phải chi bạn ta chúc thuận buồm xuôi gió chẳng là hơn. Ai nấy đều cười. Rồi chúng tôi cũng đồng-thanh đọc :

*Lay trời cho gió thổi lên,
Buồm xuôi gió thuận cho thuyền tôi đi.*

Ấu cũng là một cách xua sầu giải muộn.



Vào khoảng quá canh một, dần dần có gió thổi đến, ai nấy đều hớn-hở mừng, giục lấy neo kéo buồm. Mấy hôm nay, ai nấy vì mãi vui xem ngắm cảnh nước trời không mấy lúc nằm yên ngủ được. Nay thuyền chạy được, chúng tôi lại mệt mỏi quá, vừa nằm xuống thì đã ngủ say... Bùng mắt dậy, ra ngóng thì ngọn đèn lúc đầu hôm trông thấy lấp-lánh như ngôi sao trên mặt nước chỗ mù-mịt tận phương trời, bây giờ đã lừng-lơ trên chót núi ở ngay trước mắt rồi. Thuyền chạy ngang Mũi-nai. Bấy giờ ai nấy đều vui cười đứng tựa bên thuyền trông về trước. Thành-phố Hà-tiên dần-dần lộ ra trong cảnh mờ sáng. Bên tay mặt, một dải đất liền, nhô lên mấy ngọn núi, chạy dài về miền Hòn-chông. Bên trái là đồi Kim-dự chồm ra cửa biển, trên có mấy tòa nhà gạch : chỗ chị em thường ra bóng mát mỗi buổi chiều. Nơi quen ! Cảnh cũ !

Thuyền từ-từ áp bến. Tôi, trong lòng phấp-phới, có cái cảm-giác nóng-nảy mừng vui như muốn vụt một cái nhảy lên bờ, vì trên cầu các anh em, chị em đang hớn-hở đứng trông...

MỘNG TUYẾT

Nữ học-sinh Tri-đức-học-xá Hà-tiên



Trang-phục của dân bà miền thượng-du Bắc-kỳ

KHẢO VỀ LUÂN - LÝ

HỌC-SỬ' NU'ỚC TÀU (1)



XV

TIẾT THỨ II. — Nho-giáo về thời-đại Lục-triều

Nho-giáo trong khoảng đời Lục-triều trầm-trẻ hơn đời nhà Hán, nhưng vẫn khá nhận là một phái chính-học ở trong thiên-hạ. Học-phong đời Lục-triều phía nam phía bắc khác nhau: Người học-giả phương bắc thì theo chủ-thích của các nhà đời Đông-Hán, là Mã-Dung, Trịnh-Huyền. Người học-giả phương nam thì theo chủ-thích các nhà đời Tấn-Ngụy, như là Lữ Hà-Yến, Hàn Khang-Bá, Vương-Bật, Đỗ-Dự. Hai phương vẫn biện-luận cãi nhau, sinh ra nhiều cái tệ-hại. Đời Đường khởi lên mới trừ hết bỏ đi, làm ra Chính-nghĩa để thống-nhất cả hai phái học - giả phương nam phương bắc. Những người chủ-yếu trong phái Nho-học đời Lục-triều sẽ kể như sau:

Phó-Huyền 傅玄. — Tên tự là Hưu-dịch, hiệu là Thuần-cổ-tử, người đất Né-dương thuộc về Bắc-địa, sinh về đời Hiến-đế nhà Hậu-Hán, năm thứ 22, niên-hiệu Kiến-an (217), mất về đời Võ-đế nhà Tấn, năm Hàm-ninh thứ tư (278), thọ 62 tuổi. Ông là người bác-học văn hay, còn có di-thư đến và mười vạn lời nói, nhưng tan mất đi nhiều, nay chỉ còn truyền lại có hơn 24 thiên.

Phó-Huyền hết sức cổ-súy cái thuyết chính-trị đạo-đức theo về chủ-nghĩa

thuần-thủy của Khổng Mạnh. Khi bấy giờ kẻ trên người dưới đua nhau say đắm về cuộc thanh-đám, bỏ trẻ cả việc chính-trị, không nghĩ gì đến cái phong-tục tốt khi xưa bị phá-hoại cả. Phó-Huyền một mình hay hết sức chấn-hưng danh-giáo để cứu vớt lấy thời-tệ, thì cũng là trác-kiến. Huyền rất trọng điều tin, có nói rằng: " Cái vụ không điều gì lớn hơn là không có điều tin, nếu không có điều tin thì không biết thân yêu ai, đã không biết thân yêu thì bên tả bên hữu không ai là chẳng ngờ mình, huống là người thiên-hạ ». Ông lại nói quyết rằng nếu không có điều tin thì đến những đạo luân-thường như vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn đều tuyệt-diệt cả. Thuyết ông cốt dạy cho người ta phải thực-tiễn theo về đường đạo-đức.

Đào Uyên-Minh 陶淵明. — Tên tự là Nguyên-Lượng, lại tên là Tiềm, hiệu là Uyên-Minh, người làng Sài-tang đất Tâm-dương. Sinh đời Ai-đế nhà Đông-Tấn, năm Hưng-ninh thứ ba (365). Ông là lãng-tôn quan Đại-tư-mã Đào-Khản. Khi nhỏ thông-minh, văn tài phong-phú, học-vấn uyên-bác. Ông lại sở-trường về nghề thơ, đời sau đều cho là bậc thi-nhân. Ông mất về đời Văn-đế nhà Lưu-Tống, năm Nguyên-gia thứ tư (427), thọ 63 tuổi. Di-thư còn truyền

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phổ dâng-tác, Trương Tôn-nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra Hán-văn. Xem N. P. từ số 168.

lại tám quyền Đào Uyên-Minh lập, trong có đủ cả các hạng văn, thơ, phú, truyện, tán, sớ, văn lễ.

Tư - tưởng ông Đào Uyên - Minh nguyên gốc ở Nho-giáo, nhưng về cái ý chán đời thì thực là chịu cái ảnh hưởng về Phật-giáo với Đạo-giáo. Ông ấy xét về nhân-sinh-quan mà sinh ra chán đời, thường-thường phát ra lời thơ ngậm vịnh. Cứ theo cái thuyết ông nói thì coi đời người như là ở trọ, chẳng qua là một cái bụi mảy ở trên trần, chứ không có cõi rê gì cả, nên lúc sinh-thời chỉ cầu khoái-lạc mà thôi. Ông tình thích rượu, quên cả sự lo buồn, cũng như các bọn tao-nhân thi-khách, cái ý về nhân-sinh-quan thì thấy ở trong Ngũ - liêu tiên-sinh truyện. Ông lại làm ra bài Đào-hoa-nguyên ký để bày ra một cái xã-hội về lý-tưởng. Suốt đời ông chỉ cao-đạo ăn-dật, chứ không thích làm quan, nhưng ông sinh ở dòng-dõi danh-môn nhà Tấn, mắt trông thấy cái thực-tình của xã-hội, mà mang cái lòng cảm thể thương thời. Ông tuy muốn theo cái cách sinh-hoạt thoát-tục, nhưng không làm thế nào mà thoát-ly được cõi đời.

Quan-Lãng 關朗. — Tên tự là Tử-Minh, người đất Giải, thuộc Hà-dông, là một kẻ nho-giả về khoảng năm Thái-hóa Vĩnh-an đời Bắc-ngụy. Ông có làm ra sách Đông-cực chân-kinh, Quan-thị Dịch-truyện. Ông sở-trưởng về toán số là kinh Dịch, lại có tài kinh-lễ. Học-thuyết ông là nguyên ở số kinh Dịch, suy bàn cái đạo tam-tài: thiên, địa, nhân, lại do đạo trời để diễn-dịch ra đạo người.

Sách Đông-cực chân-kinh cho số 3 là nguyên-lý căn-bản về vũ-trụ. Đó là suy cái nguyên-lý số 2 của kinh Dịch mà lập ra nguyên-lý số 3 là tự ông Dương-Hùng. Quan-Lãng nay cũng theo cái số

3 là thừa-kế cái tư tưởng của Dương-Hùng.

Họ Quan cho vũ-trụ là thành tụ thiên địa nhân ba tài. Thiên là trời coi về việc sinh, địa là đất coi về việc nuôi, người thời bất-chước trời đất làm phép mà định ra chế-độ. Trời là trở những ngôi nhật, nguyệt, tinh thần, đất là trở núi sông cây cỏ, người là hàm cả loài di-dịch và cầm thú. Đó là họ Quan cho cái lẽ trời sinh đất dục người giúp là ba cái nguyên-lý của vũ-trụ.

Nhan Chi-Thôi 顏之推. — Sinh về đời Lương năm Đại-dồng thứ năm (539), mất ở cuối đời Tùy. Ông là dòng-dõi sau ông Nhan-Hồi, gia-thế vẫn giữ nghiệp Nho, có làm ra sách Nhan-tử gia-huấn.

Khi ấy xã-hội rối-loạn, họ Nhan mới cực-lực trọng về cái quan-hệ trong thân-tộc, bảo rằng thân-tộc là một cái đoàn-thể về luân-lý thứ nhất, phải nên mưu linh lấy cái đạo cho bền chặt mạnh lên, cho rằng đạo vợ chồng, cha con, anh em, là ba cái dòng thân ở trong một nhà, còn về họ hàng thân tức là chín họ, thì cũng phải lấy ba cái dòng thân ấy làm cơ-sở. Cha đã hết đạo từ-ái thì con phải hiếu; anh đã hết đạo hòa-thuận thì em phải kính; chồng đã hết đạo-nghĩa thì vợ phải thuận theo; cảm-hóa vẫn tự kẻ trên mà xuống kẻ dưới, vậy nên kẻ trên phải trước giữ lấy đạo-đức để đứng-dã lên trước; đó là trọng về cái đạo-đức bậc tôn-trưởng cũng là điều trác-kiến vậy.

Nhan Chi-Thôi lại bài-xích học-thuyết của họ Lão họ Trang, cho rằng thuyết Lão Trang chỉ cốt dưỡng-tình toàn-chân, không để cho vật gì lụy đến mình, đó là bọn chỉ phóng-túng không giữ-gìn gì cả. Nhưng họ Nhan lại tin theo Phật-giáo, cho kinh Phật là nội-diễn, sách Nho là ngoại - diễn. Nói-

ngoại hai kinh vốn là nhất thể, chỉ có thiên-thâm khác nhau mà thôi. Giới-luật của nội-diên lúc mới đi tu có năm điều cấm, cũng giống như năm đạo thường của ngoại-diên: nhân là điều cấm không giết càn, nghĩa là điều cấm không được lấy trộm, lễ là điều cấm không được gian-tà, trí là điều cấm không được dâm-loạn, tín là điều cấm không được càn-dở. Những thuyết của người đời bài-bác Phật-giáo, họ Nhan đều bác đi cả.

Lưu-Hiệp 劉協. — Tự hiệu là Văn-môn-tử, khi trẻ đã mồ côi, nhà nghèo mà lại chăm-học, làm quan Thông-sư xá-nhân đời nhà Lương. Nay chỉ còn quyển Văn-tâm điều-long khá xem xét biết cái tư-tưởng của ông ấy. Ông ấy chia văn-phái nước Tàu ra làm 21 mục: 1) Văn Ly-tao; 2) Thơ; 3) Nhạc-phủ; 4) Phú; 5) Tán-tụng; 6) Lời chúc lời mừng; 7) Lời trâm-mĩnh; 8) Lời bia lời lỗi; 9) Lời ai-diếu; 10) Lời hải-hước; 11) Lời tạp-văn; 12) Sử-truyện; 13) Văn của Chư-tử; 14) Luận-thuyết; 15) Sách-luận; 16) Lời văn hịch-di; 17) Lời văn phong-thiện; 18) Biện-chương; 19) Khải-tấu; 20) Lời đối-ngự; 21) Lời thư ký; trong ngàn ấy mục văn ông đều nói về lúc mới khởi-nguyên và biến-thiên cùng tình-chất nó như thế nào. Đó là một cách về tu-lí học rất cổ của nước Tàu. Văn sao gọi là tâm? Nghĩa là khi làm văn luyện câu phải phải tâm-tư nghĩ-ngợi. Ông luận về văn-chương như thế cũng là có kiến-thức, nhưng không có thuyết nào khá truyền làm thuyết luân-lý được.

TIẾT THỨ III. — Đạo-giáo về thời-đại Lục-triều

Từ đời Tần Hán trở về sau, cái tư-tưởng của họ Hoàng họ Lão loi phở-

cáp lan dần ra, có nhiều nhà chú-thích về những sách Lão-tử, Liệt-tử, Trang-tử. Nhà chú-thích sách Lão-tử có tiếng là Tôn-Đặng, Lưu Trọng-Dung, Vương-Bát. Nhà chú-thích sách Liệt-tử có tiếng là Trương-Chạm. Nhà chú-thích sách Trang-tử có tiếng là Hướng-Tú, Quách-Tượng. Quách-Tượng chú-thích sách Trang-tử không những là chua rõ từng chữ từng câu, lại nói rõ cả cái chân-tủy về tư-tưởng. Người ta bảo rằng Quách-Tượng chú-thích sách Trang-tử có phần tại cao hơn Trang-tử. Bọn nho-giả như Vương-Túc, Hà-Yến cũng nhiều người thích cái tư-tưởng họ Hoàng họ Lão mà gia công nghiên-cứu. Tự đời Hán trở về trước, vốn cho phải đạo-giáo là nghiên-cứu về triết-học, từ đời Nam-bắc triều trở về sau, mới biến ra làm một tôn-giáo mê-tin, lập ra đàn-tràng để truyền-thụ phù-lục; cái tư-tưởng hư-vô của họ Lão họ Trang, mới kết-hợp với cái cách nhân-sinh-quan của xã-hội mà sinh ra chân đời, nên mới có lũ Trúc-lâm thất-hiền ra đời mà chỉ ngồi thanh-dâm thế-sự.

Trúc-lâm thất-hiền ra đời ở cuối đời Ngụy, là Nguyễn-Tịch 阮籍, Sơn-Eào 山濤, Kê-Khang 嵇康, Hướng-Tú 向秀, Lưu-Linh 劉伶, Nguyễn-Hàm 阮咸, Vương-Nhung 王戎, bảy người. Bảy người ấy đều có tài năng khác nhau, nhưng đam về học-thuyết Lão Trang mà coi khinh cả việc đời, lấy cách cao-luận thanh-dâm làm khoái-lạc, thường tụ-hội nhau uống rượu, đầu phá-hoại cả lễ-phép đi cũng không đoái-hoái. Nhiều cái nết lạ-lùng, như Nguyễn-Tịch khi nghe tin mẹ chết mà vẫn ngồi đánh cờ vậy, đầu lúc cư-tang vẫn cứ uống rượu. Lưu-Linh thì cưỡi xe hươu, đem rượu đi uống, bảo người hầu vác cuốc theo sau rằng hễ ta chết thì chôn. Kê

sĩ-phu đời ấy đều cho bọn ấy là hiền-nhân, có ý muốn bắt chước những cái nét lạ ấy. Duy có Phó Huyền thì chống lại cái phong-trào ấy mà thuyết-minh cái đạo-đức của thánh-nhân. Cái thói thanh-dâm mà lưu-tê ra những cái nét lạ-lùng ấy vốn không phải là bản-ý của học phái Lão Trang cho nên sách Tỳ thư kinh-tích-c'ui, cho những kẻ sĩ-phu ngông-cường ấy, không suy xét đến gốc, mà chỉ làm cho lạ đời, quái-dã, vu-khoát quá, mất cả chân-tướng đi.

Bão-Phác-tử 抱朴子. — Là một người trong-phái đạo-gia mà giỏi hơn hết cả. Ông họ là Cát 葛 tên là Hồng 洪, tên tự là Trĩ-Xuyên, hiệu là Bão-Phác-tử, ý là người còn giữ được chất-phác. Ông sinh ở đất Cửu-dung, thuộc về Đan-dương, khi nhỏ tính chất tri-độn, nét mặt xấu, lời nói dụt, biết sự đi cầu danh lợi là ngu dại, nên vua Ngugên-đế nhà Đông-Tấn vời ra không chịu ra, ẩn ở núi La-phù nghiên-cứu về thuật thần-tiên, khoảng năm Thành-hóa đời Thành-đế, ông thọ 81 tuổi mới mất. Có làm ra Thần-liên-truyện 10 quyển, Ẩn-dật-truyện 10 quyển, Bão-Phác-tử 2 quyển, Tạp-trừ hơn một trăm quyển.

Bão-Phác-tử so sánh Nho-giáo và Đạo-giáo, cho Đạo-giáo là phần trong Nho-giáo là phần ngoài; tu-thần thì theo Đạo-giáo, trị đời thì theo Nho-giáo. Ông có nói rằng: «Đạo-giáo là gốc của Nho-giáo, Nho-giáo là ngọn của Đạo-giáo. Nho-giáo rộng rãi mà ít có yếu-ước, khó-nhọc mà ít được thành-công; Mặc-giáo thì kiệm-ước quá khó theo, không thể giữ gìn cho khắp được; Pháp-học thì nghiêm khắc mà ít ân, phá-hoại cả nhân-nghĩa. Duy phái Đạo gia tu-luyện khiến cho tinh-thần người chuyên-nhất, hợp cách

vô-vi, bao được cả cái hay của Nho-giáo Mặc-giáo, tóm được cả cái cốt-lõi của Danh-gia Pháp-gia, cùng thời thiên-di, ứng-vật biến-hóa, ý-chỉ yếu-ước mà dễ hiểu việc làm 11 mà được công nhiều, cốt là toàn lấy cái chất-phác về đại-tông, mà giữ lấy cái nguồn chân-chính vậy», (thiên Minh-bản). Đó là khen Đạo-giáo hơn hết cả bốn nhà: Nho, Mặc, Danh, Pháp.

Bão-Phác-tử vốn theo cái thuyết của Lão-tử cho «huyền 玄» là bản-thể của vũ-trụ, có tương-thuật cái thể dụng của huyền nói rằng: «Huyền là thủy-tổ tự-nhiên, lại là đại-tông của vạn-thù. Mờ-mịt mà thâm cho nên vi 微, lơ-mờ mà xa cho nên diệu 妙. Cao thì vượt ra ngoài cửu-liêu, rộng thì trùm ra ngoài tám cõi». Bão-Phác-tử lại do cái bản-thể của vũ-trụ, để định cái lý-tướng về luân-lý, cho rằng đạt được đến huyền mới là cái mục-dịch rất cao của đạo-đức. Đạt được đến huyền là tu đến cõi tuyệt-đối. Cái người tu đến cõi tuyệt-đối tức là bậc thần-tiên; bậc thần-tiên tức là hạng nhân-vật lý-tướng. Xem thế thì Bão-Phác-tử là người đại-biêu cho phái đạo-gia đời Tấn. Phái đạo-gia đời Tấn cho rằng bậc thần-tiên là hợp với đạo huyền, như phái nhà Nho cho bậc thánh-nhân là hợp với đạo trời. Lại bảo rằng người ta muốn tu thì phải điềm-đạm vô-dục, giữ cái tâm mình cho thanh-lĩnh, nên vào ở trong rừng núi, để tu lấy những nét trung-hiếu, hòa-thuận. Nếu không biết tu lấy đĩnh-hạnh thì không thể vào được cõi tiên. Bão-Phác-tử lại nói cái cách dùng thuốc để tu cho đạt đến cõi tuyệt-đối rất là quái lạ.

Đào Hoảng-Cảnh 陶弘景. — Người nước Lương, sinh về đời Tống Văn-đế năm Nguyên-gia thứ 29 (452), mất về đời Lương Vũ-đế năm Đại-đồng thứ 2

(536) thọ 85 tuổi. Ông ăn ở trong núi Câu-dung, chuyên nghiên cứu về Đạo-giáo, học-vấn uyên-bác, được vua Vũ-đế tin-chuộng, thường đến hỏi-han luôn, người đời gọi là bậc sơn-trung lễ-tướng. Duy không có thuyết gì khá truyền làm thuyết luân-lý.

Điêu-Tin 姚信.— Người nước Ngô, còn một quyển sách Sĩ-vĩ truyền lại, cho rằng người ta chịu về cái ảnh-hưởng tự-nhiên mà sinh ra, bậc thánh-nhân là bậc rất ưu-tú trong loài người, tức là bậc rất thuần-túy trong loài sản-vật tự-nhiên. Đức của bậc thánh-nhân, cao không biết đàu là cùng, sáu không thể lường được. Đức tốt ấy là chịu ở trời, và chịu ở bốn mùa, chịu ở nguyên-khí mà thành ra. Ông lại bảo rằng linh người có thể suy-di được. Ông nói vì linh người như tinh nước, nước nóng thì là thung, nước lạnh thì là băng; tinh người khá suy-di được, không khác gì tinh nước vậy.

Hoa-Đàm 華譚.— Người nước Tấn, có làm ra sách Biện-đạo 31 quyển, nay đã tan mất cả. Họ Hoa thừa về cái tư-tưởng của Lão-tử, cho rằng nhất-thiết những hiện-tượng trong cõi tương-đối, đều bởi cõi tuyệt-đối phát-hiện ra, cho nên đã đạt được đến cõi tuyệt-đối, thì tức là được tự-do ở cõi hiện-tượng. Ông lại bảo rằng vô-thanh là tổ cả mọi tiếng, vô-hình là vua cả muôn vật. Hay xét đến tổ, thì mới tỉnh được cái thần-diệu của thanh âm; hay sửa được vua thì mới chính được cái dung-nghi của chất-phác. Lại cho rằng người ta chỉ vì cái tình hiểu-ố xét về hiện-tượng mà sinh ra khác nhau. Vậy cần phải giữ cái tình hiểu-ố cho có tiết-độ. Đấng thánh-nhân định ra lễ để lập ra đạo trung-dung cũng bởi vì thế.

Tôn Nhu-Chi 孫柔之.— Không biết ông sinh ở đất nào, có làm ra Thuyết-ứng-đồ. Đồ Thuyết-ứng ấy là bàn về cái lẽ trời người cảm-ứng, xưa nay cũng nhiều người tin. tức như Đổng-Trọng-Thư, Lưu-Hương đều tôn-tin cái thuyết ấy cả. Thuyết-ứng-đồ là thuyết cảm-ứng mà vẽ thành đồ để giải nghĩa thêm, cho rằng mặt trời có tán vàng là cái triệu vua chiếm được đất; nước suối ngọt chảy ra là cái điềm vua có đức; vua cử-động một điều gì đều ảnh-hưởng đến trời, mà trung-triệu ra cái hiện-tượng tự nhiên để ứng lại. Ông lại kể rõ cái qui-tắc nó ứng-triệu như thế nào.

Lưu-Trú 劉晷.— Tên tự là Không-Chiêu, người Phụ-thành đất Bột-hải, ở về đời Bắc-Tề, có làm ra sách Lưu-tử 55 thiên; Cao-tài bất-ngộ truyện 3 thiên. Tự xưng mình là bậc bác-vật kỳ-tài, ngón hành nhiều điều bất-tốn. thường làm sách để điều-hòa các phái Nho, Đạo, Hình, Danh, Pháp và các dòng cửu-lưu. Bàn về đạo-đức thì cho Nho-giáo làm trung-tâm, cho cái tâm là chủ của hình, thần là bâu của tâm, thần có linh thì mới hay hòa được tâm toàn được hình. Làm phượng-hại đến thần không được tỉnh là lại tình. Tỉnh nó tự ngoài đến mà làm động cả đến tinh thần, hoại cả đạo đức, hại cả sinh-mệnh, bởi vậy điều cốt-tử tu-vi là phải hạn-chế bớt cái linh: Luận về họa-phúc cát-hung thì nói họa phúc vốn đồng-căn, yêu tương vốn đồng-cảnh; may đó mà có khi là vạ, vạ đó mà có khi là may, tương-thuyết đó cũng chẳng đủ mirng, yêu-quái đó cũng chẳng đủ lo.

(Còn nữa)

HỒNG-CHÂU biên dịch

NGHĨA CHỦ' VĂN-MINH Ở TRONG

== TÂM-LY NGƯỜI PHÁP (1) ==



II

Lại cũng trong các sử-ký nói rõ cái quan-trọng của nền học-vấn, culture spirituelle. Đứa trẻ con ở trong dân-chúng vậy đã sớm biết rằng CORNEILLE với RACINE đã viết những vở kịch rất hay, VOLTAIRE với ROUSSEAU đã yêu-cầu nhiều sự cải-lương, rằng PASTEUR là ân-nhân của nhân-loại, rằng Dân-quốc đã lập ra những trường đại-học để dạy học tất cả những cái gì mà người ta đã học từ thừa khai thiên lập địa đến giờ, mà trẻ con nhà nghèo, nếu chăm chỉ thông-minh, cũng có thể vào học, vì nhà-nước đã có cấp học-bổng cho. Trong cuốn sách tác giả là LAVISSE tiên-sinh có kết-luận như sau đây: « Hai chữ Pháp và nhân-loại không phải là hai tiếng có ý-nghĩa tương-phản; hai tiếng ấy liên với nhau như một, không thể chia rẽ ra được. Tổ-quốc ta là một nước có tinh-cách hợp với nhân-đạo hơn trăm nghìn các nước » (Notre patrie est la plus humaine des patries). Một cuốn sách nhỏ ấy phân-phát ra đến non hai triệu bản. Mà đây mới là một cái đường lối trong trăm nghìn đường lối đưa dẫn cái tư-tưởng văn-minh cho nhập vào đến nhân-dân. Cách giáo-dục của đệ-tam Dân-quốc vẫn lấy những luật học-chính năm 1881, 1882 làm căn-bản. Trong ngót năm-mươi năm nay thật đã thấm nhuộm cái tâm-hồn dân

Pháp. Không có ở nước nào lại có cái truyền-bá tư-tưởng bị kịp cái cách ấy. Thật nó đã tạo-lập ra cái nền tinh-thần thống-nhất của quốc-gia.

Nhưng cái tư-tưởng văn minh ấy chưa dễ đã truyền mau như vậy, cho đến dân gian nếu không gặp được một cái trợ lực sâu xa hơn. Đại-dồng là vì chung cả quốc-gia, cả thiên-hạ, và ngay ở trong nước cũng chung cả cho các đẳng-cấp, thế đã đành; nhưng cái tinh-cách đại-dồng lại bao-quát cả đến những cách-thức sinh-hoạt thường ngày nữa. Đó là nơi theo cái nếp cũ cổ-thời. Ở đây cái ý-tưởng văn-minh rất rộng-rãi: bắt đầu từ những việc tầm-thường vật-chất cho đến những lễ-luật cao-thượng về tinh-thần, từ công-nghệ (technique) đến luân-lý (éthique). Có thể quả-quyết nói rằng ở bên Pháp văn-minh bắt đầu từ bữa ăn. Cái nghề ăn cũng thuộc về văn-minh đấy; cái một cũng vậy. Lễ-nhượng cũng thế. Tóm-tắt, bao nhiêu những hình-thức bề ngoài trong sự giao-lễ ở xã-hội, là đều đâm-thấm trong cái hào-quang văn-minh. Chẳng phải kể học-thức mà thôi, đến kể nghèo hèn cũng theo được; cách tu có quý-tiện khác nhau, nhưng ai nấy đều được phép hưởng cái hương-hỏa chung này. Cái tư-cách bình-dân về tư-tưởng ở đây lại hợp với cái tư-cách

(1) Xem Nam-Phong số 197.

binh-dân của các cách-thức bề ngoài trong xã-hội. Sự xã-giao cũng có luật-lệ phân-minh. Ai muốn khảo-xét sự ấy cho đến nơi, hãy xin tạm nghỉ lại buổi trưa tại một cái nhà trọ tỉnh nhỏ nào độ năm nghìn dân-đình, vào một hôm phiên chợ chẳng hạn. Trong hàng cơm phần nhiều là bọn dân quê với các lái buôn. Hoặc giả cũng có lẫn vào số đó vài mặt khách du đi xe hơi lại để ngắm-nghĩa các nhà thờ cổ. Người chủ hàng cơm chỉ chỗ cho ta ngồi trong phòng cơm. Khách mỗi người đều có một lá thực-dơn (menu). Thực-dơn ấy lại có sáu món, sắp-đặt theo qui-cử từ cổ xưa, không thể di-dịch được mây-may, cũng như các mẹo luật trong văn-phạm không thể sai đi được một chút. Ai nấy từ người dân-quê cho đến người thuyền thợ, hay bác lái bò cũng theo một mực như thế không kém gì cái bả sang-trong ngồi bàn bên cạnh.

Chẳng riêng gì bữa ăn, mọi mối hành-vi trong xã-hội, nói chuyện, viết thơ, tiếp khách, công việc hằng ngày, là đều theo một thể-thức phải cho có mỹ-lý đẹp đẽ. Những thể-thức ấy gọi là « les manières ». Chữ này có cái ý nghĩa tinh-vi, thanh-thoát hơn chữ « manieren » của Đức. « Manières », chẳng phải là những lễ-phép đứng ngồi ăn uống ở bề ngoài mà thôi, mà lại tỏ rạng cái giáo-dục thâm-trầm ở trong vữa có luân-lý, lại có mỹ-lý. Theo cái quan-niệm xưa nay là thuộc về luân-lý. Ông JOUBERT có bảo rằng lễ-nhượng ấy là cái hoa của nhân-đạo, lại thêm: « Ai mà không đủ lễ-nhượng là chưa đủ nhân-cách ». Các lễ-phép ấy có cái thâm-nghĩa nặng nề lắm, người ta thường cho là một phần trong cái ý-niệm văn-minh, thường khi lại ví ngang với văn minh nữa. Vậy thời khi bảo gạt rũa cho cái tư-cách thô-lục lúc ban-sơ, bảo sửa-sang cho

phong-tục thuần-nhã hơn, bảo làm cho già-man mà có nhân-cách (polir la nature grossière, affiner les mœurs, humaniser la barbarie), ấy là nói lời văn-minh đó. Cái cái nghĩa ấy thì văn-minh là có quan-hệ về xã-hội (un fait social). Văn-minh tức là trở gồm những cách-đề trú-liệu, trông nom cho đôn-thỏa thanh-hòa mọi điều (elle (la civilisation) marque un ensemble de prévenances et de soins, un niveau généralement à atteint par toute une société), trở cái trình-độ trung-bình của cả nhất-ban xã-hội. Ấy chính là cái quang-cảnh thái-hòa của nước Pháp ngày nay. Cái thú-vị cái đời ở bên Pháp là ở đó, bao nhiêu những người ngoại-quốc qua chơi đều lấy làm mê-man quyến-luyến.

Trong một cái ý-tưởng văn-minh mà có bao nhiêu nguyên-lố! Rộng-rãi như thế, cho nên mới bao-quát cả đến cái công-cuộc mở-mang về công-nghệ cận-kim. Những sự hoán-cải lớn trong đời bởi những cái động-lực như điện-khí, hơi nước sinh ra, cái đời ta ngày nay cùng với kỹ-nghệ, công-nghệ mà đời theo một nhịp, bao nhiêu điều cải-tạo canh-tân từ bấy nay, đều thành những cái dấu-dễ lớn của cái ý-niệm văn-minh. Chẳng những văn-minh gạt rũa sửa-sang cái thiên-chất thô-sơ, lại còn giúp cho cuộc sinh-hoạt ở đời thêm tốt-đẹp nữa. Cái nghĩa « kultur » ở Đức với cái nghĩa « civilisation » ở Pháp mà hình như tương-phản nhau là vì ở Đức ta chỉ cho văn-minh « civilisation » là những sự tăng tiến về máy móc thời. Chẳng hóa ra làm hẹp cái nghĩa văn-minh đi sao! Thế cho nên nó mới trái với cái nghĩa « văn-hóa » (culture), khiến văn-minh thành ra sự nguy-hiểm cho linh-hồn cho mỹ-thuật, cho tri-tuệ. Nên nhắc chẳng rằng ở bên Pháp họ cũng đã thấy cái hiểm-tượng đó rồi? mà

thấy trước ta. Họ cũng hô-la công-kích văn-minh rồi. Nhưng mà là răm ba người lè-loi thôi. Còn cái tư-tưởng văn-minh đã thấm-thía vào dân-tri từ lâu, hồ dễ một sớm chiều gột rửa được.

Quan-niệm văn-minh thịnh là vì cái tư-cách đại-đồng. Cái tư-cách đại-đồng ấy có nhiều vẻ, nhiều đường, có trong quốc-hồn, lại có ở nhân-loại, đằm-thắm nhân-dân, thấm-thía mọi mối ở đời. Cái tư-cách đại-đồng ấy lại còn mật-thiết với thời-gian. Trong tâm-lý người Pháp nó liên-can với cái lòng muốn giữ vững liên-tiếp không thôi (sentiment de la continuité).

Người ta có thể có được hai mối cảm-tình với thời-gian. Hoặc cảm sự suy-di (ce qui passe et change), hoặc đề ỷ đến sự bất-dịch (ce qui persiste et résiste). Biến-hóa mãi mãi không cùng, nhưng luân-hồi vẫn bấy nhiêu cái hình-thức. Cái tinh của người Pháp thì thiên-trọng sự trường-cửu vĩnh-viễn (durée). Hơn là nước Đức, nước Pháp, muốn giữ bản-thể mình như một, qua bao nhiêu những sự đổi đời trong lịch-sử. Ông RIVAROL có nói một câu rất thán-thúy : « Nước Pháp phải bảo-thủ và được người ta bảo-thủ, nước Pháp khác các nước đời xưa, đời nay ở đây ». (Il faut que la France se conserve et soit conservée...)

Văn-minh nghĩa là tiến-bộ và tu-bổ cho toàn-mãn (progrès et perfection), họ không chối. Nhưng họ nêu to hơn lên rằng văn-minh là duy-tri đề tăng lên cái gia-tài lỏ-nghiệp. Ông CHARLES MAURRAS giải văn-minh là cái tinh-thể xã hội mà một mình người sinh ra đã thấy nhiều của-cái hơn là mình có thể làm ra được. « Văn-minh là cái tư-bản, lại là cái tư-bản lỏ-truyền ». Đối với người Đức văn-hóa là tổng-

cộng các cái tri-tuệ đã sáng-tạo ra. Đối với người Pháp là cốt giữ lấy rồi lưu-truyền về sau một cái kho báu. Đối với Đức, thì văn-hóa mở-mang bởi sự thay đổi : cái dấu-hiệu hình-thức mới đến kể chán cho cái dấu-hiệu hình-thức cũ mãi mãi, không thôi, cái mới đến thì cái cũ đi. Người Pháp thì không có cái quan-niệm về lịch-sử như thế, họ cho là tan-tác rời-rạc. Văn-hóa đối với họ là tích-lũy nay ít mai nhiều cho cao đầy cái hương-hỏa cha ông đề di-truyền về hậu-thế. Người « Gô-Loa » kể thừa được cái văn-hóa La-mã ở đời đế-quốc La-mã suy-vong, mà truyền cho đời franc với roman, nước Pháp ngày nay cũng muốn đem qua vạn-kỷ cái kho báu văn-minh này.

... Lòng người Pháp ưa-thích là những đồ cổ, các nhà xưa, sách đã vàng, tục đã cổ, vì đều có cái vẻ lâu dài chắc vững. Họ cho nó có cái thú riêng hơn những đồ tối-tán. Họ cho rằng sen mình vào cái quặng liên-tiếp lâu dài hơn là lập ra những « phẩm-giá » mới (valeur nouvelle). Văn-minh đã là nhờ ở sự trường-cửu vĩnh-viễn thì không có thể bỏ cuộc quá-khứ đi mà chẳng tự hủy mình đi vậy.

Bảo-thủ như thế là rất cao-thượng. Nhưng cũng có nguy-hiềm. Cái gì mới ở bên Pháp phải lâu dần mới được thiên-hạ công-nhận. Về phương-diện ấy nước Pháp không có chịu tiếp rước cái mới, nhất là cái mới ở ngoại-quốc vào. Người Pháp có ý giữ mình như vậy, nhưng chẳng phải vì chính-trị đâu. Cái đó thì ít lắm. Đó là bởi cái bản-tính của người Pháp, bởi cái quan-niệm rằng văn-hóa mình có thể tự-chủ (autarquie) được.

Nước Pháp một mình cũng đủ sống chẳng cần gì tới hoàn cầu. Ở tron

lĩnh-thở đã sản-xuất đủ các đồ dùng để làm cho cuộc đời có giá-trị, có thú-vị. Cái lòng tin-chắc ấy, bất cứ trong việc gì cũng thấy rõ được, mỗi ngày gần cái hòn đất tổ-phụ nó lại càng mạnh thêm. Vì người Pháp cần-thiết với chỗ đồng-dất lắm. Có lẽ vì xưa kia là một dân-tộc làm ruộng chăng? Hay là bởi cái ảnh-hưởng tôn-giáo xa-xôi nào? Nhưng dầu sao cũng vậy, thờ-địa nước Pháp được dân thờ kính, yêu quý lắm...

Ở cõi đất qui-hóa ấy lại nở ra cái tinh-hoa của nhân-loại, cũng như các thứ rược ngon... Ông thánh, nhà mĩ-thuật, ông vua, người cách-mệnh, bậc tài-hoa, đấng anh-hùng, người tư-tướng, người diễn-thuyết, ở cõi đất ấy đều có thể nảy-nở đến tuyệt-phẩm được, làm kiểu mẫu cho muôn đời. Đối với mỗi hạng người, nước Pháp đều có người biểu-hiệu, có chút kỷ-niệm, để cho mình tin-chắc được ở cái vận-mệnh của mình.

Lại thành Paris là lĩnh chung cho cả thế-giới: lịch-sử nó, các lâu-dài cò-tích ở đó, cái đẹp, cái sang của nó khiến ra như vậy. Nhưng lại là cái lĩnh có cái

tư-cách nhân-loại hơn hết, là cái lĩnh tiêu-biểu cho Tây-phương. Ở đây mới thật là biết hết cái lạc-thú ở đời. Ở đó họ trọng sự làm ăn cương-quyết đã đành, nhưng sự chơi vui cũng được người ta quý; cái sự vui vẻ được người ta yêu; đời sống ở đây cũng được đẹp-đẽ, mà cái chết cũng được người kính-cần,

Trái tim của nước Pháp hồi-hộp là ở đây. Người Pháp ngắm đất nước nhà đã cho là điều-hòa, đầy đủ, làm sao lại không sinh cái lòng tự-lúc (autarquie)?

Xin thử hình-dung tâm-lý một quốc-dân được trời chiếu như vậy. Một quốc-dân tự bảo mình rằng: ta ở cõi đất tốt-đẹp nhất; kinh-dô nước ta có tiếng nhất; văn-minh nước ta đáng kính nhất, vì bền vững, lâu dài, lại phong-tục thuần-hòa, mĩ-thuật sản-lạn. Cái gì ta sáng-tạo là thế-giới công-nhận, cái gì nói bằng tiếng ta mọi người đều hiểu.

ERNST ROBERT CURTIUS
Đỗ-Đình Trích-dịch



— ≡ BỒI SÙNG ĐẠN ≡ —

■

Một truyện trinh-thám mạo-hiêm hồi Âu-chiến (1)

■

III

... Hai người kế-tiếp nhau mà chạy, Phật-Lai vô-tình không biết có Lệ-Ti theo gót, vừa chạy vừa nhìn sang hai bên vệ đường như có ý tìm-tòi, và rẽ quặt vào một cái ngõ nhỏ tối-tăm. Lệ-Ti vẫn chạy theo sau cách chừng vài mươi bước. Nàng phải đem hết sức mắt trông qua bức màn tối dày để nhìn cái bóng của Phật-Lai. Chợt nàng thấy Phật-Lai đứng dừng trước một cái bóng đen lù-lù ở mặt đất, nàng vội-vàng chạy sấn lên đánh một báng súng thật mạnh xuống đỉnh đầu Phật-Lai, giữa lúc anh ta đang cầm dao toan đâm cái bóng đen ấy mà bấy giờ nàng trông rõ là một người nằm đang hấp-hối. Phật-Lai bị đánh vào chỗ phạm, choáng-váng ngã liền. Lệ-Ti chắc rằng người nằm đó là Mạch-Hải không sai, mới kịp chạy đi gọi người tài-xế đánh xe lại đem Mạch-Hải đến Mai-tốn y-viện ở phố Hoắc-tư-ban. Trong khi đi đường, Lệ-Ti rất lo, chỉ sợ rằng Mạch-Hải bị thuốc độc nặng quá không cứu chữa được nữa, thì bao nhiêu điều bí-mật của nước Đức Mạch-Hải đem theo sang thế-giới khác thì thật là bất-lợi cho nước Mĩ và quân đồng-minh.

Một lúc, xe đã đỗ ở trước cửa Mai-

tốn y-viện. Lệ-Ti vào yết-kiến ông viện-trưởng là bác-sĩ Mai-Tốn. Bác-sĩ sai người đem Mạch-Hải vào phòng bệnh, rồi tự mình xem mạch khám-nghiệm. Lúc ấy Mạch-Hải mê-mạc không biết gì nữa, mắt đờ ra như người chết rồi, Lệ-Ti đứng ở bên giường trong lòng hồi-hộp áy-náy. Bác-sĩ Mai-Tốn xem mạch xong, lặng yên không nói gì, Lệ-Ti vội-vàng hỏi :

— Thế nào, bác-sĩ? Người này có thể cứu được không?

Bác-sĩ cau trán đáp :

— Người này uống phải một thứ thuốc mê rất mãnh-liệt, có thể trong vài giờ làm người ta mê-mạn rồi chết đi được. Bệnh-tình người này khá nặng, chữa được hay không điều đó không thể nói trước được. Nhưng tôi xin hết sức, có thể cho trong một giờ nữa, tôi có thể cho cô biết tin bằng điện-thoại được.

Lệ-Ti nghe nói cau mày, buồn rầu nói :

— Người này là một nhân-vật rất quan-trọng không đáng chết, vô-luận thế nào, xin ngài đem hết cách cứu chữa cho. Trời ơi! Quốc-vận của Hợp-chúng-quốc ta quan-hệ ở sự sống chết của người này!

(1) Xem Nam-Phong từ số 197.

Bác-sĩ Mai-Tồn nghe nói ngạc-nhiên không hiểu là thế nào, nhưng Lệ-Ti không nói thêm gì nữa, mở cửa đi ra.

Khắc-Tur ở nhà Thi-Đế-Minh về, một mình ngồi trong phòng giấy, tay mân-mé cái kính một mắt, ngửa mặt lên trần có vẻ nghĩ-ngợi. Chàng chợt nghĩ đến lúc ở nhà Thi-Đế-Minh trông thấy người con gái hé cửa sau phòng khách ra nhòm, tuy chỉ thò có nửa mặt nhưng rất giống Lệ-Ti. Con người khôn-ngoan lanh-lợi như thế, đối với cái kế-hoạch của chàng rất có điều bất-lợi. Chàng nghĩ vậy thì trong lòng buồn rầu lo-lắng. Ngẩng lên nhìn đồng-hồ treo trên tường đã trở một giờ ruỡi, chàng trầm-tư hồi lâu rồi quả-quyết đứng dậy, lấy cái áo tơ mưa khoác vào người rồi đi ra.

Lúc ấy, mười lăm phút sau khi ở Mai-tồn y-viện ra, Lệ-Ti đã ngồi ở nhà trong phòng khách. Phòng khách trang-hoàng rất hoa-mĩ. Trên tường, treo một cái gương lớn. Dưới cái gương là một bộ máy điện-thoại. Đối với cái gương là một cái cửa sổ bằng pha-lê. Lệ-Ti ngồi bên cái bàn cần môi nghĩ-ngợi, chốc chốc lại nhìn lên cái đồng-hồ treo trên tường. Bên ngoài, lúc ấy mưa vẫn chưa ngớt. Nghe những tiếng giọt nước trên mái nhà rỏ xuống, lại càng buồn. Lệ-Ti đứng dậy, ra chỗ máy điện-thoại cầm lấy ống nói gọi đến Mai-tồn y-viện hỏi thăm tin-tức của Mạch-Hải, không ngờ bên kia đầu giây trả lời rằng: Các thứ thuốc đối với Mạch-Hải đều vô-hiệu, Mạch-Hải đã chết được 15 phút rồi. Lệ-Ti nghe tin tái cả người, cái ống nói cầm ở tay rơi xuống lúc nào không biết, đứng ngây người ra ở trước cái gương.

Lúc ấy, bên ngoài cửa sổ pha-lê, dưới trời mưa gió, một người đàn ông đang núp, tay cầm khẩu súng lục chĩa vào lưng Lệ-Ti. Người đàn ông ấy là ai? Đó là Khắc-Tur, viên chánh sở do-thám Hoa-kỳ.

Nhưng, Lệ-Ti là một người con gái rất khôn-ngoan linh-lợi, đứng trước cái gương, nàng đã trông thoáng thấy Khắc-Tur rồi. Nhưng nàng cố giữ cái thái-độ bình-tĩnh dường như không trông thấy, rồi ngấm rút súng của mình ra, chuyển mình một cái, tiếng súng nổ vang, bóng người ngoài cửa sổ chợt biến mất. Lệ-Ti chạy lại mở cửa sổ trông ra, thì gió thổi ào-ào, mưa tấp vào mặt, nhìn ra chung quanh chẳng thấy một ai. Nàng bùi-ngúi đóng cửa lại trở vào, tự nghĩ Khắc-Tur định giết mình là chỉ để lấp cái chuyện mình đã trông thấy hắn ở nhà Thi-Đế-Minh mà thôi. Thế là rõ-ràng Khắc-Tur ám-thông với quân địch rồi, không ngờ gì nữa. Từ đây nàng lại càng chú-ý đến mọi sự hành-động của Khắc-Tur.

Sáng hôm sau, Lệ-Ti lại đến Mai-tồn y-viện. Bác-sĩ Mai-Tồn chạy ra vui vẻ nói với Lệ-Ti:

— Có một tin tốt nói về cô hay, nghĩa là đã cứu sống được Mạch-Hải rồi, không lo ngại nữa.

Lệ-Ti ngạc-nhiên:

— Là, thế sao chiều hôm qua tôi gọi giấy nói lại hỏi, người đàn-bà khán-hộ lại trả lời rằng Mạch-Hải đã chết rồi?

Bác-sĩ cười:

— Không phải, đó là người ấy làm. Nguyên trong bệnh-viện cũng có một bệnh-nhân tên là La-Hải chết buổi chiều hôm qua, nên mới có sự lầm ấy.

Lệ-Ti nghe nói mừng lắm, mới dỗi buồn ra vui. Bác sĩ bảo người đàn-bà

khán-hộ đưa nàng sang phòng của Mạch-Hải. Lúc ấy Mạch-Hải đang ngồi ăn ở trên giường, thấy Lệ-Ti vào bèn buống thìa và đĩa xuống, giường mất lên nhún. Lệ-Ti từ-từ đến bên giường lấy lời êm-ái sẽ nói :

— Ông Mạch-Hải ! Ông khá chú ?

— Có phải cô Lệ-Ti đấy không ? —

Mạch-Hải nói — Vừa rồi người đàn bà khán-hộ nói với tôi rằng cô đem tôi đến đây. Nhưng tôi không muốn nói chuyện với cô, cô đi ngay đi.

Lệ-Ti ngạc-nhiên :

— Thế là thế nào ? Tôi đã cứu cho ông khỏi nơi nguy-hiểm, ông có biết không ?

— Biết, nhưng sự sống chết của tôi đối với cô có quan-hệ gì, tôi nay coi sự chết như sự về, cô cứu tôi làm gì cho thêm việc lắm mấy !

Mạch-Hải nói xong nắm gục xuống, bỏ mặc Lệ-Ti không hỏi đến. Lệ-Ti buồn-rầu nói :

— Ông Mạch-Hải ơi ! Sao ông lại chán đời như thế ? Ông nên biết rằng thân ông mang trọng-trách lớn, tôi sẽ dĩ cứu ông cũng là vì nước Mĩ của chúng ta, nếu ông chết một cách khinh-thường như thế, thì đối với quốc-gia làm sao ?

Mạch-Hải không đáp. Lệ-Ti lại nói tiếp :

— Tôi chỉ muốn hỏi ông về những điều bí-mật của nước Đức, việc ấy có quan-hệ lớn với tổ-quốc ta, ông có thể cho tôi biết được không ?

Mạch-Hải chống tay xuống giường ngồi dậy nói một cách bức-lức :

— Tôi chẳng biết bí-mật gì cả. Chẳng biết tí gì hết. Chỉ biết uống rượu mà thôi. Cô đem tôi đến đây, khiến tôi không được uống rượu, thật là cô lấy súng bắn tôi không bằng. Tôi mà không được rượu thì tôi chết đây này.

Lệ-Ti lấy lời dịu-dàng yên-ủi :

— Uống rượu lắm chỉ hại người nhiều, ông là một kẻ ngang-tàng trượng-phu, đáng lẽ phải vì quốc-gia ra sức lẽ nào lại chìm đắm trong chén rượu làm mất cả chí-khí đi như thế ?

Mạch-Hải gắt :

— Cô nói nhảm tai lắm, tôi không thể nghe được. Xin cô ra khỏi chỗ này ngay lập tức, nếu không, tôi phải đứng đây mà đuổi cô đi.

Mạch-Hải nói có vẻ giận lắm, dường như muốn nhảy xuống giường ngay. Lệ-Ti thấy Mạch-Hải không thể lấy lời lẽ dỗ được, trong tâm buồn lắm. Người đàn-bà khán-hộ vội-vàng mời Lệ-Ti đi ra và nói :

— Người này thần-chí chưa thật tỉnh, và lại trong óc bị nhiễm nhiều chất-độc quá, cho nên mới điên cuồng như thế, cô cũng đừng nói với làm gì.

Lệ-Ti gật đầu, người đàn-bà khán-hộ lại nói :

— Tôi nghe bác-sĩ Mai-Tổn nói người này trưa mai có thể ra khỏi bệnh-viện được, vậy cô nên thân-hành đến đón. Tôi xem ra người này bị hại về rượu nhiều lắm, cô nên đưa vào nhà cấm rượu thì hơn.

Lệ-Ti khen lời nói ấy là phải, rồi ngậm-ngùi trở về.

Trưa hôm ấy, Lệ-Ti đến bộ cơ-quan trình-thám ra mắt Khắc-Tu. Khắc-Tu trông thấy Lệ-Ti, cố giữ thái-độ bình-thường dường như không biết chuyện gì cả, đứng dậy vui-vẻ đón chào. Lệ-Ti toan nói thì Khắc-Tu đã mỉm cười ngăn lại, tay cầm cái kính một mắt tươi-cười nói :

— Công việc của cô làm, tôi đều biết hết cả. Cô giỏi lắm, đã cứu được Mạch-Hải thoát nơi nguy-hiểm, tôi rất vui lòng. Nay lại định đem hấn ta vào nhà cấm rượu lại càng hợp ý với tôi lắm.

Nên biết rằng hiện nay người mà biết được nhiều điều đại-bí-mật của Đức, chỉ có Mạch-Hải mà thôi. Vậy thời người ấy rất quan-trọng. Nay tôi đem cái chức-trách trình-thám giao cho cô để cô dò xét, cô là người trí-dũng hơn người, hẳn không phụ cái trọng-trách ấy.

Lệ-Ti nghe nói kinh-ngạc, lại càng phục Khắc-Tư sao mà có được những tin-tức linh-thông như thế, chỉ vàng vàng theo mệnh chữ không dám nói nhiều, rồi cáo từ đi ra.



Nửa đêm hôm sau, trước cửa y-viện Mai-Tồn có hai người thám-tử Đức lảng-vảng như có ý đợi chờ ai. Trên mũ hai người đều cái một cái thẻ đồng có khắc chữ số, một người số 22, một người số 25. Vừa lúc ấy Lệ-Ti cũng đi xe đến. Hai người trông thấy liền đi đến bờ hè một nhà đứng nói chuyện, thỉnh-thoảng lại đưa mắt chú-ý đến Lệ-Ti. Lệ-Ti xuống xe, đứng nhìn thẳng vào cửa lớn của y-viện không chớp mắt. Chợt thấy Mạch-Hải thủng-thẳng ở trong đi ra, đến đầu đường thì dừng lại nhìn ra bốn bên dường như mơ-màng không biết đi đâu. Lệ-Ti mới đi đến gần Mạch-Hải, vỗ vào vai:

— Ông Mạch-Hải! Ông đã thật khỏe chưa?

Mạch-Hải quay lại rồi như có ý giật mình:

— À có! Tôi biết có rồi. Có phải là cô Lệ-Ti đấy không?

Lệ-Ti gật đầu:

— Phải. Ông đã nhận được tôi, thế thì tốt lắm.

— Hôm qua vì thần-trí tôi mê-mẩn nên có điều không phải với cô, tôi vẫn

lấy làm hối-hận lắm, xin cô tha thứ cho.

— Có hề gì, cái đó không phải là lỗi ông.

Mạch-Hải mỉm cười, cúi đầu chào Lệ-Ti rồi đi, như có ý không muốn gần-gũi với Lệ-Ti. Lệ-Ti không biết làm thế nào bèn cứ đi theo ở đằng sau. Chợt có một anh chàng say rượu ở một hàng rượu gần đấy loạng-choạng chạy đến đâm sầm vào Lệ-Ti. Lệ-Ti nổi giận vung tay đấm cho một cái, anh chàng say rượu kia liền ngã xuống đất không dậy được. Trong chớp mắt, Lệ-Ti quay lại đã không thấy Mạch-Hải đâu, mới hoảng-hốt đi tìm. Sau chợt nghĩ ra chắc Mạch-Hải chỉ vào hàng rượu ở gần đấy, mới chạy đến thì quả-nhiên Mạch-Hải đang đứng tựa cái bàn, nhà hàng sắp đem rượu đến. Lệ-Ti vội-vàng chạy lại nói nhỏ với người bán hàng:

— Người này cùng đến với tôi, hẳn ta đã say lắm rồi đấy, dừng cho hắn ta uống nữa.

Người bán hàng gật đầu vàng lời, Lệ-Ti mới đến trước mặt Mạch-Hải vừa cười vừa nói dịu-dàng:

— Ở kia ông Mạch-Hải! Tôi lại gặp ông rồi! Chắc hẳn ông muốn uống rượu. Nhưng ông không nghe thấy nhà hàng nói rằng rượu bán vừa hết đến mai mới có à? Gần đây cũng có một hàng rượu, ông đến đấy uống với tôi đi.

Mạch-Hải thấy Lệ-Ti lại đến lấy làm lạ, ngẫm-nghĩ một lúc rồi cùng với Lệ-Ti cùng đi. Ra đến cửa, Lệ-Ti chợt cau mày nhăn mặt nói với Mạch-Hải:

— Tôi rức đầu quá, có lẽ ngã xuống đây mất, ông làm ơn đưa giúp tôi về nhà thì tôi cảm-tạ lắm.

Mạch-Hải vốn là kẻ trượng-phu nghĩa-hiệp, nghe nói bèn kháng-khái nhận lời, rồi lúc-khắc đi gọi một cái xe hơi, vực Lệ-Ti lên xe đưa nàng đi.

Hai-mươi phút sáu, Mạch-Hải và Lệ-Ti đã ngồi trong phòng khách của nàng. Mạch-Hải nói vài câu chuyện rồi cáo-từ, nhưng Lệ-Ti ngăn lại:

— Tôi hiện nay đau đầu lắm, muốn gọi đây nói mời thầy thuốc lại thăm cho, mời ông hãy cố ngồi chơi rón một chốc.

Mạch-Hải nhận lời, Lệ-Ti bèn vào buồng giấy gọi đây nói đến ông viện-trưởng viện cấm rượu là bác-sĩ Cát-Lễ, nói rằng nàng có một người bạn tên là Mạch-Hải, nhân vì uống nhiều rượu quá, thành ra tổn-thương đến óc, nên hóa ra điên cuồng, nay muốn cho vào viện cấm rượu để bác-sĩ ngăn cấm đi cho, nhưng sợ Mạch-Hải không bằng lòng mà kháng-cự, nên xin bác-sĩ cho vài người khỏe mạnh đến cưỡng-bách bắt hẳn đem vào viện, v. v. . . Bác-sĩ Cát-Lễ trả lời rằng sẽ lập tức cho người đến ngay. Lệ-Ti vui mừng trở ra phòng khách. Mạch-Hải lại đứng dậy cáo-từ, Lệ-Ti giữ lại và chính-sắc nói:

— Tôi nói thật cho ông biết, tôi là viên trinh-thám của đội trinh-thám Hoa-kỳ đây. Những điều bí-mật của quân Đức thế nào, ông nói cho tôi biết.

Mạch-Hải nghe nói ngạc-nhiên, đứng dậy nhìn trừng-trừng vào Lệ-Ti có vẻ ngờ-vực. Lệ-Ti toan nói rõ để giải cái ngờ của Mạch-Hải thì một sự không ngờ, ở cửa phòng khách thông sang buồng giấy, chợt hiện ra một cái mặt ghê-gớm của một người đàn ông, tay cầm súng chĩa vào Mạch-Hải.

Người ấy là ai? Đó là viên thám-tử của Đức số 22.

Nguyên lúc này Mạch-Hải và Lệ-Ti cùng đi về nhà, hai viên thám-tử Đức vẫn nối gót theo sau. Đến lúc hai người vào trong nhà rồi, bọn thám-tử lảng-vảng ở bên ngoài nghĩ-ngợi một lúc rồi quyết kể vào hẳn trong đề dò-xét, mới đi vòng quanh đến một cái vườn của nhà Lệ-Ti, trèo cửa sổ vào buồng giấy. Thám-tử số 22 rút súng cầm ở tay đi đến chỗ cửa thông sang phòng khách để dò xét. Chẳng ngờ lại bị Mạch-Hải trông thấy. Mạch-Hải kêu lớn lên, đẩy mạnh Lệ-Ti ra chực nhảy đến bắt. Thám-tử 22 hoảng sợ vụt chạy, thám-tử 25 nấp ở buồng giấy cũng nhảy qua cửa sổ chạy mất. Nhưng tên 22 chạy đến buồng giấy thì Mạch-Hải đuổi đến nơi, tung thế quá mới quay lại đánh Mạch-Hải như một con thú dữ đến lúc cùng. Mạch-Hải khỏe mạnh nhanh-nhẹn lạ thường, đánh bật khẩu súng của 22 xuống đất rồi sẵn đến tùm lầy ngực quật mạnh một cái, 22 biết rằng không địch nổi, ngóc dậy toan chạy, Mạch-Hải vội-vàng nhặt lấy khẩu súng, một tiếng nổ đoàng, thế là 22 ngã ngửa ra, tắt nghỉ.

Lúc ấy, Lệ-Ti cũng vừa chạy đến, Mạch-Hải trông thấy giận lắm, ném súng xuống đất, trở tay vào mặt Lệ-Ti mắng:

— Quân khốn-nạn! Tao với mày có thù oán gì nhau mà mày lại phục người định giết tao?

Lệ-Ti nghe nói, biết rằng Mạch-Hải hiểu lầm mới lấy lời ôn-tồn phân-giải:

— Ông hãy ngồi cơn giận, tôi sẽ phân bày ông rõ.

Mạch-Hải lại càng tức.

— Phân bày gì? Lời của mày nói là láo hết, cầm ngay mồm đi, tao không muốn nghe một tí nào cả.

Nói rồi, Mạch-Hải chạy ra phòng khách toan mở cửa đi, nhưng Lệ-Ti nhanh chân chạy ra khóa cửa lại rồi đứng chặn ngay giữa cửa.

Mạch-Hải không làm thế nào mà ra được, quát-tháo ầm-ĩ bắt Lệ-Ti phải đưa chìa khóa. Lệ-Ti vẫn thản-nhiên, thông-thả nói :

— Xin ông hãy nghe tôi một lời đề rõ căn-nguyên đã nào.

Mạch-Hải giậm chân gắt :

— Chẳng nghe một lời nào cả. Biệt điều thì đưa chìa khóa đây, nếu không thì tao đập vỡ sọ ra bây giờ.

Lệ-Ti vẫn đứng im chẳng đáp, Mạch-Hải lại càng giận, giơ hai tay ra rồi găm hết chục bóp cổ Lệ-Ti. Lệ-Ti chạy sang buồng giấy để trốn, nhưng Mạch-Hải đuổi theo. May sao dưới đất hời còn khẩu súng, Lệ-Ti vội-vàng nhặt lấy chìa vào Mạch-Hải. Mạch-Hải thoát-liền còn sợ không dám hành-

hung, nhưng rồi chột tỉnh-ngộ, bèn vỗ vào ngực đi một cách đường-hoàng đến trước mặt Lệ-Ti :

— À, mày lại định đem cái chết dọa tao à? Tao có phải là thằng sợ chết đâu. Đây, mày bắn tao đi ! Tao có sợ chết thì không phải là đấng trượng-phu ở đời này.

Lệ-Ti nghe nói rất khâm-phục, khẩu súng cầm ở tay rơi lúc nào không biết. Mạch-Hải thừa-cơ nhảy lại bóp cổ Lệ-Ti vật xuống đất. Lệ-Ti bị ngạt hơi cổ hết sức rầy-rụa, nhưng Mạch-Hải khỏe như vâm, kháng-cự làm sao được, chỉ đành kêu cầu-cứu.

Chính đang lúc nguy-cấp, thì may thay, bác-sĩ Cát-Lê và một bọn cảnh-sát ập vào. . . .

(Còn nữa)

Tùng-Toàn dịch



VĂN - UYÊN

THƠ CỔ

Hải-thương Đình-trai tiên-sinh thi-lập

XVIII

Tháng tám lai kinh

Giang-sơn dàu dấy cũng phong-lưu,
Đứng-dỉnh với tiên chuốc chén tru ;
Tiếng thét dường mây con ký-mã,
Hơi giông điếm nguyệt cái điều-cừ ;
Núi non mừng mặt xò ra trước,
Trăng gió đưa chân chụt lại sau ;
Thân ấy giữa trong trời đất ấy,
Phong-lưu chừng ấy dễ ai hầu.

XIX

Qua tỉnh Nam-định muộn ngâm

(4 bài)

1

Chưa chán du mà quấy mãi dầy,
Nợ-nần dan-diu mấy năm nay ;
Mang danh tài-sắc cho nên nợ,
Quen thói phong-lưu hóa phải vay ;
Quân-tử lúc cùng thêm thẹn mặt,
Anh-hùng khi gặp cũng khoanh tay ;
Còn trời còn đất còn non nước,
Có lẽ ta đâu mãi thế này.

2

Có lẽ ta đâu mãi thế này,
Non sông lẫn-thần mấy thâu chầy ;
Đã từng tắm gội: ơn mưa móc,
Cũng phải xênh-xang hội gió mây ;
Hãy quyết phen này xem thử đã,
Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay ;
Xưa nay xuất-xử thường hai lối,
Mãi thế rồi ta sẽ tính đây.

3

Mãi thế rồi ta sẽ tính đây,
Điền-viên thủ nợ vẫn xưa nay ;

Giang-hồ bạn lửa câu tan hợp,
Tùng-cúc anh em cuộc tỉnh say ;
Ghềnh đá Khương-công đôi khóm lá,
Áo xuân Nghiêm-tử một vai cây ;
Thái-bình vũ-trụ càng thông-thả,
Chẳng lợi danh gì lại hóa hay.

4

Chẳng lợi danh gì lại hóa hay,
Chẳng ai phiền lụy chẳng ai rầy ;
Ngoài vòng cương-tỏa chân cao th
Trong thú yên-bà mặt tỉnh say ;
Liếc mắt coi chơi người lớn nhỏ,
Vềh râu hàn giỡn chuyện xưa nay
Của trời trăng gió kho vô-lận,
Cầm hạc tiêu-dao đất nước này.

XX

Tết Trung-thu gặp mưa

Ngựa ký le-te đóng nhạc bầu,
Ngân hoa lấp-ló bóng trắng thâu ;
Giai-nhân ngành lại đường mười đợt,
Đất nước vui cùng bạn chín châu ;
Rượu thết quan-bà năm bảy chén,
Thơ ghen phong-nguyệt một vài câu
Tỏ lòng rõ có vàng trắng bạc,
Trăng bạc tro tro đứng giữa đầu.

XXI

Phong-cảnh tỉnh Ninh-bình

Non xanh ngăn-ngắt nước xanh lèo,
Non nước qua chơi những muốn trèo
Trái mũ Đồng-cân xò mặt đã,
Cửa hang Lộng-dịch chềch lưng dèo
Biển vàng nét choáng hồn Tai-thỏ,
Tháp bạc xây sao đỉnh Cảnh-diêu ;
Dấu tích hỏi ra Đình dã chiêm,
Hoa-lư động ấy động Văn-tiêu.

(Còn-nữa)

THƠ KIM

Lễ tiễn quan Ôn

Mỗi năm cứ đều đầu mùa hè,
 Trời đất như lò nóng-nực ghê ;
 Người ta thường nói quan Ôn-dịch,
 Mùa này âm-phủ hay bắt về.
 Vì sợ phái bắt nên ta cùng,
 Nào là ngựa voi, nào thuyền súng ;
 Nơi nơi vàng mã la-liệt bày,
 Cúng vái linh-dinh để tiễn-tống.
 Những năm thời tiết hơi xôn-xao,
 Nhà quê kẻ chợ cùng nôn-nao ;
 Xem ra cái cúng lại càng thịnh,
 Than ôi mê-tín đến thế nào !
 Đã hay âm-dương cũng cách-biệt,
 Việc dưới âm-phủ ta không biết ;
 Song ở trên đời hãy phải khôn,
 Đại mãi như ai thế thì chết.
 Dân nước Nam ta trọng thần-quyền,
 Nên hay cúng-cấp cầu bình-yên ;
 Lễ đầu cứ cúng được khỏi chết,
 Thế ra quan Ôn cũng ăn tiền !
 Bao giờ ta hết cái tục hủ,
 Trí-thức mở-mang không nệ cồ ;
 Bấy giờ quan Ôn tự-khắc đi,
 Chắc hẳn tậ-dịch ít khi có.
 Quan Ôn nào biết ở nơi nao,
 Chỉ thấy người mình dọa nạt nhau ;
 Chừng ông chỉ thích ở Nam-việt,
 Sao không đi đến đất năm châu ?
 Các nước văn-minh ngày một tiến,
 Có lẽ hung-thần không dám đến ;
 Nước ta kẻ còn làm quan Ôn,
 Thôi xin các ngài liệu phiên-phiến.

Học chữ tây

Chữ nho đã xếp rồi,
 Chữ tây nay lại ế ;
 Hán-học chẳng làm chi,
 Âu-học thôi cũng thế.
 Lâm lúc nghĩ xa-xôi,
 Mấy lời khuyên bạn trẻ ;
 Mau mau xoay nghề đi,
 Khỏi thiệt đường sinh-kế.

Nay khắp trên hoàn-cầu,
 Mặc phải nạn kinh-tế ;
 Làm người ai cũng lo,
 Đứng tiền kiếm không dễ.
 Trong đám tư-dân ta,
 Lo nhất là nghề sĩ ;
 Học-hành tinh sao đây,
 Giá chữ ngày càng rẻ !

Anh đồ

(Hát xẩm)

Anh thi đồ, anh thi đồ,
 Xưa kia đã có tiếng anh đồ,
 Làm thân con gái lắm cô muốn nhâm.
 Chẳng tham gì tham cái bút anh cầm,
 Phụng-loan muốn những trăm năm
 phi nguyên.

Aoh có đâu ruộng cả ao liền,
 Làm sao anh vẫn có duyên với má hồng ?
 Xét cho ra cũng chẳng lạ-lùng,
 Gái xưa vẫn quý cái công nuôi chồng.
 Và tuy nay anh kiết anh cùng,
 Một mai aoh chiêm bảng rồng anh đã
 làm quan.

Đình-chung vui thú thanh-nhàn,
 Dài lưng đã có áo vua ban thiếu gì.
 Anh đồ xưa giá quý ai bì,
 Tấm lòng ao-ước nữ-nhi thường tình.
 Bấy giờ đương buổi cạnh-tranh,
 Nói đến cái sự học-hành ngày một khó-
 Cũ, Nghề đã khó len chân, [khăn.
 Anh đồ thôi cũng khó kiếm ăn mất rồi.
 Hưởng chi nay những gái tân-lời,
 Điem-trang đúng « mốt » mà ăn chơi
 đủ mùi.

Giang-sơn gánh vác mấy người ?
 Lấy chồng mong những lương nuôi
 của chồng.
 Anh vẫn hay mà thiếu cái hơi đồng,
 Các cô thiếu-nữ hẳn cũng không mặ-
 Thời nay thời cổ khác xa, [mà.
 Hỡi ai chớ có cậy rằng ta đây anh đồ,
 Miễn là giấy bạc bỏ mà đây bỏ.

Tương-giang-thị NGUYỄN TIẾN

THÒ'I-ĐÀM

PHÁP

Bà Curie tạ-thế

Bà CURIE là vợ nhà bác-vật Pierre CURIE đã tạ-thế sáng hôm 4 Juillet ở Sallanches quận Haute-Savoie.

Bà là một nhà đại-bác-vật đã phát-minh ra quang-tuyến Radium từ năm 1899. Từ đó đến nay bà vẫn tận-tụy với khoa-học, khảo-cứu về thứ quang-tuyến ấy. Bà được cả thế-giới đều kính-trọng. Bà tạ-thế, không những nước Pháp mà cả khoa-học-giới hoàn-cầu mất một bậc vĩ-nhân. Gia-quyển bà không nhận lễ quốc-táng. Quan Tổng-trưởng bộ Quốc-gia giáo-dục định tổ-chức vào kỳ khai trường này một lễ truy-diệu rất lớn. Bà thọ 67 tuổi.

ĐỨC

Đức lại muốn đòi lại thuộc-địa

Diễn-thuyết trước mặt 25 ngàn người, ông VON SCHNEE là cựu Toàn-quyền thuộc-địa của Đức có cô-động việc đòi các thuộc-địa cũ của Đức đã mất về đồng-minh sau cuộc Âu-chiến.

Vấn-đề trả nợ

Ông chánh nhà ngân-hàng tuyên-bố với nhà viết báo Hung-gia-li rằng : Ngoại-quốc tố-cáo Đức không muốn trả nợ, nhưng thực ra Đức hiện nay không thể trả nợ được, mà muốn cho Đức trả được nợ thì phải : 1^o) Trả lại

cho Đức những thuộc-địa cũ ; 2^o) Bồi-đề-chế hàng-hóa của Đức nữa ; Giảm bớt tiền lãi đi. . . .

Một cuộc âm-mưu đảo-chính định đánh đổ Hitler

Ngày 29 và 30 Juin tại Munich Berlin ở Đức có xảy ra nhiều vụ máu vì một cuộc âm-mưu đánh HITLER. Bọn cách-mệnh là những người đứng đầu các đạo quân chiến-dấu đảng Quốc-gia xã-hội, chính là bộ thân-cận của HITLER, trước kia đã giúp cho HITLER trở nên một nhà độc-Đứng đầu vụ này nghe đầu là người soái VON SCHLEICHER và đại-úy ROHM là tổng-tham-mưu các đạo quân chiến-dấu.

Cuộc âm-mưu không thành, mà HITLER đã ra tay trừng-trị những người làm phản một cách cương-quyết.

Ngay nửa đêm hôm 30 Juin, Hitler cưỡi máy bay đến Munich thân-hà lột chức và tống-giam các tướng-lệnh làm phản. Chính tay HITLER đã bắt đại-úy ROHM và đã cử LUTZE thay ROHM. Vợ chồng nguyên-soái VON SCHLEICHER bị giết chết. HITLER nhờ phó thủ-trưởng VON PAPEN cũng có dính vào cuộc âm-mưu này nên có xin tổng-thống HINDENBURG bãi chức VON PAPEN, nhưng ông HINDENBURG không bằng lòng. Ngay khi xảy ra việc đảo-chính ông VON PAPEN cũng bị Hitler bắt giam, nhưng sau được tha và được phục-chức.

Con vua GUILLAUME II bị giữ ở nhà. Hoàng-thân AUGUSTE WILHELM, chánh các đội quân chiến-dấu bị bắt.

Sáu-mươi người bị bắn, đều là tướng-lính đảng Quốc-gia Xã-hội cả. Trong số đó có một người giúp việc của ông VON PAPAN và ERNST là lãnh-tu đảng chữ Vạn ở Berlin. Có tin rằng quan nguyên tổng-trưởng TREVIRANUS cũng ở trong số người bị bắn ấy. Ngoài 200 tướng-lính của các đội quân chiến-dấu bị bắt. Còn những người nào bị tình-nghi đều bị trục ra ngoài đảng.

Vi cơ gì mà lại chính những người chân tay của HITLER lại trở lại phản HITLER? Người ta nói rằng bọn này bất-bình về sự bị bó buộc vào kỷ-luật nghiêm-khắc quá, và HILER ít lâu nay đã hành-dộng trái với chủ-nghĩa đảng chữ Vạn. Lại có người nói rằng nguyên-nhân cuộc phiến-loạn này là do đảng Bảo-hoàng gây ra.

Dư-luận thế-giới đối với cuộc đảo-chính này phân-vân lắm, vì tình-thế trong nước Đức rối beng, vả lại sự thông tin-tức ra ngoài đều bị kiểm-đuyệt nghiêm-ngặt.

Báo « Intransigent » nói rằng cái phong-trào phiến-loạn này sẽ làm cho nước Đức trở lại quân-chủ như trước.

Thống-soái GOEBBES tuyên-bố rằng đã giữ được trật-lự trong xứ rồi.

Tuy vậy, địa-vị của HITLER sau cuộc phiến-loạn này hình như cũng hơi núng. Chưa biết tình-thế nước Đức rồi sẽ xoay chuyển ra sao.

Ông Goebbels phản-kháng

Nhưng ông GOEBBES phản-kháng những tin trên này. Ông có đọc một bài diễn-văn do máy truyền-thanh đưa khắp mọi nơi nói rằng đó là những

điều thêu-dệt của các báo. Theo ý ông thì hôm 30 Junin ở trong nước Đức không hề có sự gì lói-thối cả. Ngày nay quả có việc thay đổi ở Đức thực, nhưng chính là lòng dân càng kính-phục HITLER và càng công-nhận cái chính-thê của đảng Quốc-gia xã-hội. . . .

MĨ

Mĩ với chủ-nghĩa của Hitler

Ở Nữ-ước, mấy nghìn người thuộc phái bài-xích đảng quốc-gia xã-hội đã biểu-tình trước tòa lãnh-sự Đức yêu-cầu trục-xuất một người bộ-hạ của HITLER vừa mới đến Mĩ.

ẤN-ĐỘ

Tin về ông Gandhi

Người ta nói nếu ông GANDHI lại hoạt-dộng chính-trị thì bị chính-phủ Anh bắt hạ ngục ngay về tội bất tuân mệnh-lệnh.

Trong một buổi hội mừng ông GANDHI có một quả bom ném làm cho mấy người bị thương. Nhưng ông GANDHI không việc gì, vì lúc bấy giờ ông chưa đến. Người ta nói rằng đó là để dọa ông GANDHI cho ông nản chí về việc cổ-dộng phá chế-độ giai-cấp.

Nhà lãnh-tu đảng quốc-dân Ấn-độ là ông PANDIT MALAVIYA, vì bất đồng ý-kiến với ông GANDHI nên đã từ chức ra khỏi Đại-hội Quốc-dân Ấn-độ.

NHẬT-BẢN

Nội-các mới

Vi thủ-tướng Trai-Đảng cho rằng Nội-các phải chịu trách-nhiệm về việc

mấy quan đại-thần can-thiệp vào việc ám-muội xảy ra tại bộ tài-chính nên đã xin từ chức.

Theo lời đề-cử của hoàng-thần SAI-

ONJI, Nhật-hoàng đã cử Thủy-sư đô-dốc KEISAKE OKADA lập nội-các mới. Cử ông OKADA làm thủ tướng tức là chứng rằng Nội-các mới sẽ kế-tiếp cái chính-sách của Nội-các cũ.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

Tình-hình chính-phủ Nam-kinh hiện nay hệ-trọng nhất là việc dự-thảo hiến-pháp. Báo-giới Trung-hoa nói rằng Hội-đồng hiến-pháp do Tôn-Khoa chủ-tọa đã sửa trong bản dự-thảo Hiến-pháp, mục tổ-chức chính-phủ, theo điều sửa lại đó thì quyền hành-chính ở trong tay ông Giám-quốc sau này, chứ không phải ở ban Hành-chính như trước. Nếu vậy thật là một điều rất có lợi cho Tướng Giới-Thạch.

Tướng Giới-Thạch mới rồi có cử Hà Kiện là linh-trưởng Hồ-nam đi xem-xé tình-hình phía Tây-nam, mưu cho Quảng-dông, Quảng-tây liên-lạc với Trung-wong để tiêu-trừ cộng-sản ở Quảng-tây và miền nam Phúc-kiến. Hà Kiện có điện về Nam-kinh rằng Trần Tế-Đường thì thuận bãi hội-đồng chính-trị miền Tây-nam đi, nhưng các tướng-linh khác thì không chịu, muốn đem vấn-đề ấy ra bàn tại Đại-hội-ng nghị Quốc-dân-dảng kỳ thứ năm họp tháng *Novembre* này.

Có tin ở Nam-kinh tuyên-bố rằng Trần Tế-Đường đã y theo chương-trình của chính-phủ dự-định tổng công-kích đảng cộng-sản. Quân-đội Quảng-dông và Quảng-tây cứ đi tiêu-cộng thì kể từ 1er *Juillet* này sẽ thuộc-quyền trực-liếp của Tướng Giới-Thạch.

Còn về việc Trung-Nhật giao-thiệp, thì mới rồi Tướng Giới-Thạch có cùng

với sứ-thần Nhật là Hữu-Cát hội-đàm ở Nam-kinh. Người ta cho cuộc hội-đàm ấy về vấn-đề Trung Nhật có nhiều điều hệ-trọng.

Người Nhật bên trong thì đã vẽ ra cái địa-đồ chia xé nước Tàu, lại trưng bày ra nhiều tranh-ảnh về cuộc Trung-Nhật chiến-tranh ở Thượng-hải và Thâm-dương, đề cử-động cho dân Nhật có tâm làm cho đạt cái chương-trình xâm-lão nước Tàu. Bên trong thì người Nhật hoạt-động như vậy, thế mà bên ngoài họ vẫn tuyên-bố mong nước Tàu tỉnh-ngộ đi lại thân-thiện với Nhật để mưu cuộc hòa-bình cho xứ Viễn-dông, thì không hiểu họ còn thân-thiện ở chỗ nào.

Từ khi hội Vạn-quốc quyết-ng nghị không công-nhận nước Mãn-châu, người Nhật không thể vận-động vào đâu được, họ mới quay lại vận-động thẳng với chính-phủ Tàu, muốn cưỡng-bách Tàu phải thừa nhận Mãn-châu-quốc. Nếu Tàu mà sợ-sệt phải thừa nhận Mãn-châu-quốc thì là mất hẳn Mãn-châu, mà trái với lời quyết-ng nghị của hội Vạn-quốc. Bởi vậy người Nhật mới nghĩ nhiều cách ngoại-giao khôn-khéo, nào là xướng lên cái thuyết « Trung Nhật trực-tiếp giao-thiệp », nào là bày ra cái tin « Địa-phương giải-quyết » để điều-đinh với Tàu, lại điều-đinh ngay về sự thực, khiến cho nước Tàu và nước Mãn lại thông

xa và thông buu, là lại cho xe-hỏa Bắc-bình và Liêu-ninh chạy thông-đồng như xưa, buu-chính thì như những việc diện-báo thư tin buu-kiện, lại trao đổi với nhau như trước. Song hỏa-xa và buu-chính là cái chứng-cớ tuyệt-giao của Tàu đối với Mãn-châu. Nếu việc thông xa và thông buu mà thành thì Nhật sẽ vin lấy cái cớ ấy mà vận-dộng với các nước, nói là Tàu đã công-nhận nước Mãn về sự thực rồi.

Bởi vậy, cái việc thông xa và thông buu đó, đại-hiệu hai bên giao-thiệp mới bắt đầu từ ngày 1er *Juillet* này mới thực-bành. Dân-chúng Trung-hoa lấy việc này làm căm-tức lắm, cho rằng Chính-phủ chịu theo như thế, không khác gì là thừa-nhận nước Mãn-châu, chịu mất đứt bốn tỉnh Đông-bắc rồi.

Các báo ở Bắc-bình đều có nhận được thư của đoàn Thiết-huyết cảnh-nghĩa, nói quyết đem máu và sắt để phản-đối việc giao-thông xe-hỏa với nước Mãn-châu. Nên-chỉ trong việc hiệp-dịnh thông-xa này, chính-phủ Trung-hoa có tờ tuyên-bố rằng vấn-đề thông xa này với vấn đề thừa-nhận Mãn-châu-quốc là hai vấn-đề khác nhau, và các cuộc điều-định kia không có tính-cách chính-trị và ngoại-giao gì hết.

Người Nhật đối với chính-phủ Tàu, gần đây liền-hà ra nhiều cái kế-hoạch hãm-dọa, nào là đem thêm lực-quân sang miền Hoa-bắc, hải-quân muốn tiến vào mặt Trường-giang. Mọi đây có xảy ra cái việc phó lĩnh-sự Nhật là Tàng-Bản hốt-nhiên mất tích, người Nhật ra oai hãm-dọa Tàu, muốn viện cớ để sinh-sự, nhưng sau lại tìm thấy ngay, làm cho người Nhật mất một cơ-hội tốt.

Hiện nay người Nhật đang ra sức lo việc phòng-bị trên không ở Mãn-châu, đã đắp một cái thành giả ngoài 20 dặm phía bắc thành Trường-xuân, cốt để làm loạn mục-tiêu của máy bay Nga sau này.

Có tin ở Trường-xuân rằng Nhật-bản với Phổ - Nghi đang âm - mưu chiếm lấy Hoa-bắc. Cái âm-mưu đó chia làm ba phần như sau :

1) Nhật-bản xui giục và sắp đặt cho vua Khang-dục (là Phổ-Nghi) đến mừng 1 tháng 10 năm nay thì cử binh, rồi đồng-thời làm lễ thệ-sự và hạ-lệnh đi đánh Hoa-bắc.

2) Từ nay tới ngày đó. Mãn-châu-quốc sắp đặt cho đủ 30 đoàn bộ-binh, 2 đoàn pháo-binh, để đánh Hoa-bắc. Lại chiêu-dụ bọn Hán-gian (bọn người Tàu phản quốc) làm tiên-phong.

3) Dùng viên Tổng-dốc Hà-bắc hồi trước là Khẩu Anh-Kiệt làm đầu sở trình-thám Hoa-bắc, đặt tại Thiên-lân, và phát cho 50 muôn đồng để làm việc do thám.

Đại-khái âm mưu đánh Hoa-bắc là thế, ý muốn đem Phổ-Nghi về khôi-phục Mãn-Tuân và đóng đô lại Bắc-bình vậy.

Cuộc Hoa-bắc còn đương tiến-bành thì người Nhật lại duỗi bàn tay sắt sang miền Hoa-nam. Có tin đồn rằng Nhật bắt ép Tàu nhượng Hạ-môu làm tô-lá để khấu bớt mối nợ cũ.

Đại-tướng Đài-loan là Phùng Thúy tuy vẫn chủ trương chính-sách "hoãn-tấn", song nay lại uy-bức chính-phủ Tàu phải kịp thuận-từ đến chỗ mục-dịch viên-mãn :

1) Dời dáo Đài-loan sang Phúc-kiến để mượn tiếng bảo-hộ kiều-dân, đặt

võ-trang cảnh-sát khắp các miền trọng-yếu (võ-trang cảnh-sát đã đặt ở Hạ-môn).

2) Chiếm các thị-trường ở duyên-hải ;

3) Mở rộng phạm-vi « Trung-Nhật kỹ-thuật hợp-tác ».

4) Miền nam Phúc-kiến và miền Lương-Quảng, đặt cơ-quan giao-thông và thực-nghiệp, thi-hành lối kinh-tế xâm-lược.

Người Nhật lại bắt ép cả dân Phúc-kiến nhập-tịch Đài-loan, lại muốn cưỡng-bức tô-tả Tam-dô-úc.

Tam-dô-úc là doi biển phía đông tỉnh Phúc-kiến, hình-thế hiểm-yếu như một nơi quán cảng thiên-nhiên. Gần đây Tổng-đốc Đài-loan phái người cửu-lãnh-sự Nhật ở Phúc-kiến là Vũ Tá-Mỹ tỏ ý cùng quan địa-phương Tàu yêu cầu tô-tả Tam-dô-úc để làm nơi diễ tập không-quân.

Ấy người Nhật càng ngày càng xâm lấn nước Tàu như thế, chẳng hay cụ-diện Thái-bình-dương sau này xoay chuyền ra thế nào ?

VIỆC TRONG NƯỚC

Nước Pháp đảm-bảo cho Đông-dương vay nợ. — Kỳ Hội-dồng các quan Thượng-thư ngày 6 *Juin* ở Paris, theo lời thỉnh-cầu của quan Toàn-quyền ROBIN, quan Tổng-trưởng LAVAL đã chuẩn-y việc xin chính-phủ bảo-dảm cho một kỳ quốc-trái Đông-dương do khoản 9 đạo luật ngày 26 *Avril* 1932 đã cho phép và cho ngân-sách Đông-dương được trừ một món tiền chi về quân-bị năm 1935.

Hương-chức ở Nam-kỳ được đeo thẻ bài. — Theo tờ thông-tư số 480 ngày 18 *Décembre* 1933, thì các hương-chức ở Nam-kỳ được đeo thẻ bài trong khi làm việc quan. Thẻ bài có khắc tên tỉnh tên làng và ban hội-tề bằng chữ quốc-ngữ và chữ nho. Thẻ bài này có ba thứ :

Hạng nhất, hình tam-giác mạ vàng, để các ông đại-bương cả đeo.

Hạng nhì, hình tam-giác bằng bạc, để các ông từ hương-cả xuống đến hương-giáo đeo.

Hạng ba, hình tròn bằng bạc, để các hương-chức nhỏ đeo.

Phát-hành tiền trình Bảo-dại lần cuối cùng. — Chính-phủ đã cho phát hành tiền trình Bảo-dại lần cuối-cùng nữa là 1.380.400 đồng trình.

Ban cứu-tế nạn dân Bình-Phước Bắc-kỳ đã giải-tán. — Ngày 22 *Juin* Hội-dồng Cứu-tế ở Bắc-kỳ đã họp hội Khai-trí Tiến-dức để cộng số tiền giúp nạn dân Bình-định Phú-yên xong thì giải-tán. Số tiền cộng được 14.305 \$ 74. Tiền ấy đã nhờ nhà băng Đông-Pháp gửi cho ban Trung-ương Cứu-tế ở Huế để phân-phát cho nạn dân.

Ban Trung-ương Cứu-tế ở Huế đã giải-tán. — Ngày 28 *Juin* Hội-dồng Cứu-tế ở Huế đã họp, cộng số thu-chi xong thì giải-tán. Số thu-chi như sau này :

Thu được 69.911 \$ 82.

Chi cho nạn-dân Bình-dịnh	10.412 \$50
— Phú-yên	9.661, 39
— Hà-tĩnh	11.000, 00
— Quảng-ngãi	050, 00
Chi-phi vật. . .	276, 82

Cộng. . . 31.400\$71

Còn gửi tại nhà băng Đông-Pháp 38.511\$11.

Một người chỉ được làm trị-sự mười hội thôi. — Theo luật mới tại Thượng-nghi-viện bên Bộ đã định, một người chỉ được sung làm hội-viên ban trị-sự 10 hội là cùng.

Quan Toàn-quyền Robin sang Đông-dương. — Ngày 27 *Juin* quan Toàn-quyền ROBIN đã từ-biệt Paris khởi hành xuống *Marseille* để đáp tàu sang Đông-dương. Cùng đi với Ngài có quan phó Toàn-quyền CHATEL, quan Tài-chính Giám-đốc COUSIN, quan Thương-chính Giám-đốc PRATS và các viên-chức văn-phòng. Chiều ngày 29 Ngài đã đáp tàu « *d'Artaqnan* » sang Đông-dương ta.

Hội-dồng Chính-phủ. — Ban Thường-trục của Hội-dồng Chính-phủ đã họp ngày 30 *Juin* tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL chủ-loạ.

Đào thấy tụy-đạo ở Trung-kỳ. — Mới rồi nhân đào hầm đường xe lửa Nha-trang—Tourane, tại đèo Cả (cách Nha-trang 30 cây-số) người ta đào thấy một cái hầm có con đường tụy-đạo, hai ông kỹ-sư Pháp cùng bọn cu-li dùng đèn điện đi thăm xem thì thấy con đường dài có nhiều ngách ngang; có chỗ thấy hang to có đá xây tam-cấp; đường dài có tới mấy cây số, nhưng đi nửa chừng phải trở lại.

Bảo-cại thư-viện. — Páo-dại thư-viện đã lập ở nhà Di-luân trường Quốc-tử-giám để cho người vào xem sách. Hiện nay đã chứa được ba vạn quyển sách chữ Hán và một nghìn quyển chữ tây. Ngân-sách Nam-riều đã định trích ra 3.000 đồng bạc để sửa-sang và mua thêm sách.

Hạn-chế các thứ vải ngoại-quốc nhập-cảng Đông-dương. — Quan-báo ở Paris có đăng đạo mệnh-lệnh hạn-chế vải và các đồ hàng dệt của ngoại-quốc nhập-cảng vào Đông-dương.

Giảm thuế thân cũ cho dân nghèo Hoa-kiều. — Ba trăm dân nghèo Hoa-kiều ở Sài-gòn Chợ-lớn không nộp được thuế thân năm 1933 hoặc hai ba năm trước đã sắp bị trục xuất cả h-ngoại. Nay quan Thống-đốc PAGÈS đã rộng lượng cho mỗi người ấy chỉ phải nộp một số 15 đồng thôi (nếu nộp đủ thì mỗi năm phải hơn 30 đồng), còn thì miễn cho cả.

Quan quyền Toàn-quyền Graffeuil vào Nam. — Ngày 4 *Juillet*, quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL đã khởi-hành vào Sài-gòn để đón quan Toàn-quyền ROBIN.

Ông Ackein quản-lý văn-khê Hà-nội bị bắt. — Ông ACKEIN làm quản-lý phòng văn-khê Hà-nội, vì làm sô sách có chỗ tặc-rối và trong quỹ thiếu mất số tiền chừng 300.000 quan, nên ông đã bị bắt giam tại Hỏa lò để đợi tra xét.

Chức Thủ-hiến Quảng-châu-loan. — Ngày 3 *Juillet*, quan Thủ-hiến DELAMARRE đã xuống tàu về hưu. Quan cai-trị hạng nhất DE TASTES đã lên nhiệm chức Thủ-hiến Quảng-châu-loan.

Khóa thi Sơ-học yếu-lược năm nay ở Bắc-kỳ. — Trong kỳ thi bằng Sơ-học yếu-lược năm 1934 này ở Bắc-

kỳ cộng tất cả các hạ' có 21.062 người ứng-thí, được 12.989 người trúng-tuyển. Trong số ấy thì 365 người đỗ cả quốc-ngữ chữ tây và chữ nho ; 1329 người đỗ quốc-ngữ và chữ nho ; 2.502 người đỗ quốc-ngữ và chữ tây ; 8.793 người chỉ đỗ phần quốc-ngữ thôi.

Số tiền thu của sở xe-lửa Đông-dương. — Kê trong bốn tháng đầu năm 1934, số xe-lửa Đông-dương thu được 1.112.712 đồng, so với bốn tháng đầu năm 1933 thì sụt kém 64.893 đồng. Thê là sụt mất 5, 5 1/2%.

Đường xe-lửa Hải-phòng đi Văn-nam-phủ trong bốn tháng đầu năm nay thu được 1232.090 đồng, sụt kém bốn tháng đầu năm ngoài là 97.119 đồng. Thê là sụt mất 7, 30%.

Sản-vật Đông-dương xuất-cảng. — Trong năm tháng đầu năm 1934 này sản-vật Đông-dương chở sang Pháp bán được 234.580.000 quan, khá hơn sáu tháng đầu năm 1933 chỉ được 2.6.792.000 quan.

Kê riêng về gạo thì năm tháng đầu năm nay xuất-cảng được 715.888 tấn, hơn năm tháng đầu năm ngoài được 2.184 tấn.



Giới-thiệu sách và báo

Nữ-Trung-tùng-phận. — Một quyển văn song-thất-lục-bát của bà Đoàn-thị

Điềm giảng bút nói về phận-sự nữ-lưu, dày 60 trang do hội thánh Cao-dài ở Tây-ninh xuất-bản tại nhà in Bio-tồn Sài-gòn, giá 0 \$ 20.

Việt-Nam Tuần-báo. — Xuất-bản ngày chủ-nhật viết bằng Pháp-văn, ông Phạm Nguyên-Cảnh biệt-hiệu Hi-Tổng làm chủ-nhiệm, báo-quán ở số 193 phố hàng Bông, giá mỗi số 0 \$ 10.

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

(Bao ở Đông-kinh áo-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tường Lôi-xích. giá 4 hào

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp : | |
| Quyển thứ I | 4 hào |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai) | 5 hào |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |
| 12. — Tục-ngữ ca-dao. | 4 hào. |

